

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2020 - 2021

Đà Nẵng tháng 10 năm 2021

Số: 184/BC-ĐHKTDN
V/v “Kết quả thực hiện Quy chế công khai đối với cơ
sở GD&ĐT năm học 2020 – 2021”

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng trân trọng Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Về việc triển khai thực hiện:

- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã triển khai rộng rãi các nội dung của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến lãnh đạo các khoa, phòng chức năng trong toàn trường.

- Vào đầu năm học, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về “Công khai đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm”.

2. Về nội dung công khai:

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã thực hiện công khai đầy đủ các nội dung theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về “Công khai đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm”. Nội dung bao gồm:

a. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Công khai cam kết về chất lượng giáo dục theo Biểu mẫu 17.
- Công khai chất lượng giáo dục thực tế theo Biểu mẫu 18.

b. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Công khai thông tin về cơ sở vật chất theo Biểu mẫu 19.
- Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên theo Biểu mẫu 20.

c. Công khai thu chi tài chính theo Biểu mẫu 21.

d. Công khai chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.



3. Về hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường <http://www.dau.edu.vn> vào tháng 6/2021 và niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục vào tháng 7/2021; được cập nhật và bổ sung vào đầu năm học.

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xin gửi kèm các Biểu mẫu 17, 18, 19, 20, 21 và Báo cáo thông tin chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo theo báo cáo này. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã gửi các file mềm của Báo cáo đến địa chỉ email: vukhtc@moet.edu.vn.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Sở GD&ĐT TP. Đà Nẵng (báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT; ĐBCL.


Phạm Anh Tuấn

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

Bảng 1: Ký hiệu trường, mã ngành, tên ngành, tổ hợp môn xét tuyển và các thông tin cần thiết khác

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chỉ tiêu	Học phí năm học 2021-2022 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	KTD			2435		<p>1. Trường tổ chức xét tuyển các môn văn hóa; tổ chức thi Đánh giá năng lực mỹ thuật và xét tuyển theo kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật (hoặc môn Hình họa, môn Bố cục màu ...) của thí sinh đã dự thi các môn này tại các trường đại học trên toàn quốc trong cùng năm tuyển sinh. Môn Đánh giá năng lực mỹ thuật (hoặc môn Vẽ mỹ thuật, ...) phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: - Đối với PT1: Trường sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021, sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo</p>
Địa chỉ: số 566, đường Núi Thành, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (0236)-2210030/ 2210031/ 2210032/ 2247176/ 2212256. Website: www.dau.edu.vn;						
Các ngành Năng khiếu						
Kiến trúc (<i>chất lượng cao</i>)		7580101	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00) 2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01) 3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	300	770	
Quy hoạch vùng và đô thị		7580105		0	715	
Thiết kế nội thất		7580108		80		

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chỉ tiêu	Học phí năm học 2021-2022 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thiết kế đồ họa		7210403	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00) 2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01) 3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02) 4. Vẽ MT, Văn, Bó cục màu (H00)	0		<p>đục và Đào tạo (Bộ GDĐT) trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT.</p> <p>- Đối với PT2: Thí sinh có kết quả học tập ở THPT đạt được các mức điểm theo 1 trong 3 cách tính, được quy định tại Khoản b Mục 3.5.1. (trang 34) của Đề án này.</p> <p>3. Điểm trúng tuyển đối với mỗi ngành và mỗi phương thức xét tuyển được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành đào tạo dành cho mỗi phương thức.</p> <p>4. Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển của thí sinh, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển và thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng. Nếu các thí sinh có điểm xét tuyển như nhau ở cuối danh sách, dẫn đến vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường xét trúng tuyển đối với thí sinh ĐKXT có điểm của môn sau đây trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn: Môn Đánh giá năng lực mỹ thuật (hoặc môn Vẽ mỹ</p>
Các ngành Kỹ thuật, Công nghệ						
Kỹ thuật xây dựng (<i>Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp</i>)		7580201	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	300	670	
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>Xây dựng Cầu - Đường</i>)		7580205		100		
Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng		7580210		50		
Quản lý Xây dựng		7580302		65		
Công nghệ thông tin		7480201		225		
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301		150		

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chỉ tiêu	Học phí năm học 2021-2022 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Các ngành Kinh doanh, Quản lý và Du lịch						thuật, ...) đối với các ngành năng khiếu; Môn Toán đối với các ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh doanh, quản lý, du lịch và các ngành: Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế nội thất (nếu thí sinh ĐKXT theo tổ hợp A01); Môn Tiếng Anh đối với các ngành ngoại ngữ. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường ưu tiên thí sinh ĐKXT có nguyện vọng cao hơn.
Kế toán		7340301	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	200	615	
Tài chính - Ngân hàng		7340201		165		
Quản trị kinh doanh		7340101		300		
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		7810103		150		
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		751060 5		50	670	
Các ngành Ngoại ngữ						
Ngôn ngữ Anh: + Tiếng Anh biên - phiên dịch + Tiếng Anh du lịch		7220201	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)	150	615	
Ngôn ngữ Trung Quốc: + Tiếng Trung Quốc biên-phiên dịch		7220204		150		

Phương thức xét tuyển	Cách ĐKXT	Hồ sơ ĐKXT	
<p>PT 1</p>	<p>- Đợt 1: Theo quy định của Bộ GDĐT. - Các đợt bổ sung: Thí sinh ĐKXT trực tuyến theo đường dẫn http://xettuyen.dau.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen.html và gửi hồ sơ ĐKXT về Trường qua bưu điện theo hình thức thư chuyển phát nhanh (hoặc nộp trực tiếp tại Trường).</p>	<p>Áp dụng cho các đợt xét tuyển bổ sung:</p> <p>1) Phiếu ĐKXT (thí sinh in ra, sau khi ĐKXT trực tuyến thành công). 2) Bản chính giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021.</p>	<p>3) Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi môn Đánh giá năng lực mỹ thuật, hoặc môn Vẽ mỹ thuật (môn Hình họa, môn Bố cục màu ...) của các trường đại học có tổ chức thi môn Vẽ mỹ thuật để ĐKXT vào 4 ngành năng khiếu: Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất; (Quy định này không áp dụng đối với thí sinh sử dụng tổ hợp 3 môn Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) để ĐKXT vào 3 ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế nội thất.)</p>
<p>PT 2</p>	<p>Tất cả các đợt xét tuyển: Thí sinh ĐKXT trực tuyến theo đường dẫn http://xettuyen.dau.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen.html và gửi hồ sơ ĐKXT về Trường qua bưu điện theo hình thức thư chuyển phát nhanh (hoặc nộp trực tiếp tại Trường).</p>	<p>Áp dụng cho mọi đợt xét tuyển:</p> <p>1) Phiếu ĐKXT (thí sinh in ra, sau khi ĐKXT trực tuyến thành công). 2) Bản sao học bạ THPT có chứng thực.</p>	<p>4) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT có chứng thực (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2021); hoặc bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021). Nếu thí sinh đang học lớp 12 sử dụng Cách 1 của PT2 để ĐKXT trước khi thi tốt nghiệp THPT năm 2021, thì thí sinh phải gửi bổ sung Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời về Trường, sau khi nhận được Giấy chứng nhận. 5) Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).</p>

Biểu mẫu 17**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo									
		Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy	CD sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chính quy							
1. Kiến trúc (Mã ngành: 7580101)											
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.							
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ, tin học đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học những Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về các lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, quy hoạch. - Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về thiết kế Kiến trúc công trình. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học có kỹ năng về thiết kế công trình kiến trúc, thiết kế tổng mặt bằng, kỹ năng truyền thông, thực hiện công việc trong các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch; các cơ quan quản lý trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng. - Người học có kỹ năng: Xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường công việc liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tôn trọng pháp luật, luôn cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ nhiệt tình, tâm huyết với công việc. - Nhận thức được nhu cầu học tập, cập nhật kiến thức để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình, biết vận dụng một cách sáng tạo vào công việc. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p>							

				e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; biết sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế.				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Kiến trúc được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29/6/2017 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Kiến trúc được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19/8/2019 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiến trúc có khả năng phân tích, tính toán và thiết kế công trình kiến trúc; có khả năng xác định và thảo luận các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội và đưa ra các giải pháp trong thiết kế từ các vấn đề trên kết hợp với vấn đề đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong phân tích của mình. - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo và một số ngành có liên quan như thiết kế đô thị, kiến trúc cảnh quan, có thể học tập lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Kiến trúc, Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc sư thiết kế, thi công, giám sát công trình kiến trúc dân dụng, Nội - Ngoại thất; Quy hoạch xây dựng các điểm dân cư, nhóm ở, cao ốc, công trình đô thị và nông thôn. - Làm việc trong các công ty tư vấn Thiết kế Kiến trúc, Quy hoạch, Nội - Ngoại thất; các Cơ quan quản lý trong lĩnh vực Kiến trúc, Xây dựng; các Viện nghiên cứu về Kiến trúc, Quy hoạch, Đô thị; Giảng 				

				<p>đạy tại các cơ sở đào tạo Kiến trúc, Nội thất, Xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia tư vấn, cung cấp các giải pháp về kiến trúc và vật liệu tại các công ty Thiết kế Kiến trúc, Xây dựng, Nội - Ngoại thất, Kinh doanh vật liệu, thiết bị... - Tự khởi nghiệp với vai trò quản lý doanh nghiệp; Chủ đầu tư các công trình kiến trúc, xây dựng. 				
2. Quy hoạch vùng và Đô thị (Mã ngành: 7580105)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học những Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về các lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng. - Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về thiết kế Quy hoạch Vùng & Đô thị. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp, người học có kỹ năng về thiết kế công trình kiến trúc, thiết kế tổng mặt bằng, kỹ năng truyền thông, làm việc trong các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch, các cơ quan quản lý trong lĩnh vực Quy hoạch Vùng, Đô thị, Nông thôn, Kiến trúc, Xây dựng. - Người học có kỹ năng: Xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tôn trọng pháp luật, luôn cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thái độ nhiệt tình, tâm huyết với công việc. - Nhận thức được nhu cầu học tập, cập nhật kiến thức để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình, biết vận dụng một cách sáng tạo vào công việc. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; biết sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế.</p>				
III	Các chính sách, hoạt			- Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập,				

	động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>rèn luyện của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Quy hoạch Vùng và Đô thị được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTĐN ngày 29/6/2017 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Quy hoạch Vùng và Đô thị được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTĐN ngày 19/8/2019 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo và một số ngành có liên quan như Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan, Kiến trúc công trình. - Học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Quy hoạch đô thị, Lịch sử đô thị, Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan, Kiến trúc công trình. - Ngoài ra, có thể tiếp tục học tập, tham gia các đề tài, dự án khoa học và nghiên cứu sâu hơn về lý thuyết Quy hoạch đô thị, Lịch sử Quy hoạch, Thiết kế cảnh quan, Thiết kế đô thị... 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại cơ quan Nhà nước hoặc tư nhân, các Ban quản lý dự án đầu tư về Quy hoạch, Bất động sản, Hạ tầng đô thị. - Làm việc tại các công ty tư vấn Thiết kế Quy hoạch, Kiến trúc, Nội - Ngoại thất, thực hiện các đồ án Quy hoạch quy mô từ nhỏ đến lớn, các đồ án Thiết kế cảnh quan, Thiết kế đô thị và Kiến trúc dân dụng. - Làm việc tại các Viện nghiên cứu về Quy hoạch đô thị, Kiến trúc; giảng dạy tại các cơ sở đào tạo Quy hoạch, Kiến trúc, Nội thất, Xây dựng. - Tự khởi nghiệp với vai trò quản lý doanh nghiệp; Chủ đầu tư các dự án Quy hoạch, công trình Kiến trúc, Xây dựng... 				
3. Thiết kế đồ họa (Mã ngành: 7210403)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				

II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức cơ bản và nâng cao về các kỹ năng vẽ tay, diễn họa các ý tưởng thông qua ngôn ngữ hình ảnh, các kiến thức về chất liệu màu và giấy, vải, inox, mica... - Nắm vững kiến thức cơ bản về công nghệ, kỹ thuật các loại máy móc trong công nghệ in ấn và các công cụ hỗ trợ chụp ảnh, quay phim và làm hậu kỳ phim, website để có thể tham gia tổ chức sản xuất, quản lý điều hành dự án. - Nắm vững kiến thức nghệ thuật để nhận xét đánh giá và vận dụng vào thiết kế tĩnh, động: nhận diện thương hiệu, bảng biển quảng cáo, dàn trang sách báo, vẽ minh họa truyện, tạp chí và thiết kế động 2D, 3D, phim quảng cáo phù hợp với nhu cầu khách hàng. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng, vẽ tay, vẽ máy và nâng từ ý tưởng bản thảo lên sản phẩm thiết kế đồ họa hoàn chỉnh. - Có kỹ năng giao tiếp, quan hệ, thuyết trình và trình bày rõ ý tưởng sáng tạo các tác phẩm thiết kế Đồ họa. - Có kỹ năng làm việc độc lập cũng như kỹ năng làm việc nhóm. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ tuân thủ linh hoạt nội quy và văn hóa doanh nghiệp. Tuân thủ nghiêm pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuân thủ các công ước quốc tế về luật bản quyền thiết kế, văn hóa truyền thống dân tộc. - Thái độ cầu tiến và cầu thị, luôn cập nhật và đổi mới, học hỏi kiến thức nâng cao ý tưởng thiết kế làm mới các thiết kế đồ họa, làm việc với sự chuyên nghiệp cao. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; có đủ kỹ năng và sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế phục vụ cho các yêu cầu thiết kế 2D, 3D và các phần mềm dựng phim.</p>				
III	Các chính sách, hoạt		- Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập,				

	động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>rèn luyện của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế đồ họa được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế đồ họa được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân ngành Thiết kế Đồ họa sau khi ra trường vẫn có thể tiếp tục học nâng cao chuyên ngành như phân tích các tác phẩm liên quan đến Thiết kế Đồ họa, tham gia các dự án quảng cáo, dự án về làm phim hoạt hình 2D, 3D, TVC... - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo và một số ngành có liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. Có thể học tập lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Thiết kế Đồ họa, Mỹ thuật ứng dụng. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp các cử nhân ngành Thiết kế Đồ họa có thể làm việc tại các cơ quan, công ty chuyên thiết kế quảng cáo, in ấn sản phẩm; nhà xuất bản sách báo, tạp chí; studio ảnh nghệ thuật. - Các hãng phim hoạt hình, phim quảng cáo, các công ty khai thác công nghệ đa phương tiện, đài truyền hình, các trung tâm công nghệ phần mềm, thiết kế web... - Tự tạo lập công ty thiết kế đồ họa, nhận diện thương hiệu, làm bảng biển quảng cáo. - Chịu trách nhiệm phát triển thương hiệu cho các công ty chuyên sản xuất và bán sản phẩm hiện nay. - Làm việc ở Trung tâm văn hóa thông tin, Bảo tàng, Viện nghiên cứu thiết kế. - Các nhóm dự án Nghiên cứu văn hóa, Nghệ thuật thiết kế chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước... 				

4. Thiết kế Nội thất (Mã ngành: 52210405)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học cơ bản: Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, triết học, mỹ học, văn hóa Việt Nam, lịch sử mỹ thuật thế giới và Việt Nam; các kiến thức cơ sở ngành liên quan đến ngành mỹ thuật ứng dụng. - Kiến thức cơ sở của ngành: Nắm vững ngôn ngữ tạo hình, quy trình thiết kế, nguyên lý, kỹ thuật, công nghệ và vật liệu thiết kế nội thất để tư vấn trong lĩnh vực thiết kế nội thất. - Kiến thức cốt lõi của ngành, chuyên ngành: Nắm vững lịch sử và phong cách thiết kế nội thất Việt Nam và thế giới; quy trình thi công công trình nội thất, vật liệu nội thất, các đề án sáng tác thiết kế nội thất. - Có khả năng lập bản vẽ thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý các công trình nội thất; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới thuộc lĩnh vực kiến trúc và nội thất để áp dụng vào thực tiễn. - Có khả năng thẩm mỹ, có định hướng tư duy sáng tạo để có thể đề xuất các xu hướng, phong cách thiết kế. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng cứng: + Kỹ năng chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> <i>Tư vấn:</i> Có khả năng tư vấn, phản biện các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế nội thất; Có khả năng tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực kiến trúc, nội thất. <i>Thiết kế:</i> Có khả năng sáng tạo thẩm mỹ, thiết kế các công trình trong lĩnh vực nội thất. <i>Thi công:</i> Có khả năng tổ chức thi công, chỉ đạo thi công các công trình trong lĩnh vực kiến trúc, nội thất. <i>Quản lý:</i> Có khả năng quản lý điều hành các công trình kiến trúc, nội thất. + Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có khả năng thiết kế các công trình nội thất trên cơ sở nắm vững nguyên lý tạo hình và ứng dụng sáng tạo phong cách truyền thống và hiện đại được đào tạo cùng với các phương pháp và quy trình, kỹ thuật thiết kế nội thất. 				

			<p>+ Kỹ năng xử lý tình huống: Có khả năng tiếp cận về kiến thức, công nghệ mới và các thiết bị hiện đại trong thiết kế nội thất. Biết phân tích, xử lý kết quả thực nghiệm và áp dụng kết quả thực nghiệm trong thiết kế nội thất.</p> <p>+ Kỹ năng giải quyết vấn đề: Trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết vấn đề đặt ra trong ngành kiến trúc và nội thất thông qua các phần mềm chuyên dụng, các đồ án thực tế.</p> <p>- Kỹ năng mềm:</p> <p>+ Kỹ năng trình bày: Có khả năng trình bày trực quan, nhằm giải thích và thuyết phục những ý tưởng, nội dung, giải pháp thiết kế các sản phẩm nội thất, thông qua các kỹ thuật trình chiếu (phim, ảnh, video, slide,...)</p> <p>+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng tham gia tích cực, làm việc hiệu quả, với chức năng là một nhà thiết kế trong các nhóm chuyên môn.</p> <p>c. Thái độ:</p> <p>- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ và lối sống lành mạnh. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có tinh thần làm việc tập thể. Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.</p> <p>- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có hiểu biết về Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện nghiêm túc vấn đề Bản quyền tác giả.</p> <p>- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Có ý thức cầu thị, thường xuyên phấn đấu vươn lên nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và nghiệp vụ. Luôn tìm tòi sáng tạo trong chuyên môn.</p> <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học:</p> <p>- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p> <p>- Sử dụng thành thạo các phần mềm: Auto cad, 3dmax, phần mềm tin học văn phòng... phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế các công trình kiến trúc, nội thất.</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--

III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Có website và fanpage thường xuyên cập nhật thông tin, tương tác để hỗ trợ người học kịp thời. Các giảng viên chủ nhiệm luôn quan tâm hỗ trợ sinh viên khi cần thiết. - Sinh viên học tập, sinh hoạt trong môi trường đầy đủ tiện nghi. Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. - Các chương trình liên kết hợp tác với các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn để hỗ trợ sinh viên về thực tập, thực tế. - Có các câu lạc bộ và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. - Hỗ trợ miễn giảm học phí theo quy định của Nhà trường, có cố vấn học tập các lớp, có học bổng của giảng viên dành cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế nội thất được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế nội thất được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường		<ul style="list-style-type: none"> - Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về Mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng trong và ngoài nước. - Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ trình độ học bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) chuyên ngành Mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng tại các trường trong và ngoài nước. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Thiết kế nội thất, Mỹ thuật ứng dụng đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. - Có khả năng thành lập các doanh nghiệp trong lĩnh vực Thiết kế nội thất, Mỹ thuật ứng dụng. - Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng tại các cơ sở sản xuất sản phẩm nội thất, mỹ thuật ứng dụng. - Làm việc ở các cơ quan quản lý có liên quan đến ngành Mỹ thuật 				

			<p>ứng dụng và văn hoá nói chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng. - Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực Mỹ thuật công nghiệp (cần có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm). 				
5. Kỹ thuật Xây dựng (Mã ngành: 7580201)							
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		<p>Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học xã hội và tự nhiên phù hợp chuyên ngành; có kiến thức và lập luận kỹ thuật chuyên ngành vững chắc; có kiến thức hỗ trợ để phát triển nghề nghiệp. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp. - Có năng lực hoàn thành một sản phẩm kỹ thuật xây dựng từ hình thành ý tưởng, thiết kế đến triển khai thi công xây dựng thoả mãn các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, xã hội và môi trường. - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ và sức khỏe để đáp ứng cho công việc và môi trường hội nhập quốc tế. - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có kỹ năng tin học và ngoại ngữ đáp ứng cho công việc và môi trường hội nhập quốc tế. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có trách nhiệm trong công việc và xã hội. - Có thái độ tích cực và khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới trong xây dựng để áp dụng vào thực tiễn. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. 				

				- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành trong thiết kế, thi công và quản lý dự án.				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			- Cấp học bổng hằng năm cho sinh viên Giỏi và Xuất sắc. - Hỗ trợ học phí đối với những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. - Cố vấn học tập sẽ luôn theo dõi và tư vấn cho việc học tập của sinh viên. - Hỗ trợ sinh viên tìm chỗ trọ và tìm việc làm cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp.				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			- Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			- Có khả năng tư duy học tập, cập nhật các tiêu chuẩn ngành, các vấn đề liên quan đến ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Có khả năng nghiên cứu khoa học các lĩnh vực về cơ sở ngành và chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu hoặc các sáng kiến, cải tiến về lĩnh vực xây dựng. - Tham gia các chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ngành Kỹ thuật xây dựng trong và ngoài nước.				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			- Làm công tác tư vấn thiết kế kết cấu tại các công ty Tư vấn thiết kế thuộc ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Làm việc tại các công ty quản lý dự án, tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Tổ chức thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Làm các công việc về kỹ thuật, quản lý chất lượng tại các đơn vị sản xuất trong lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Kỹ sư tư vấn kiểm định chất lượng xây dựng, làm chuyên viên trong các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ xây dựng, các cơ quan quản lý các cấp như Sở xây dựng, Phòng xây dựng các quận huyện và giảng dạy trong các trường đào tạo trong lĩnh vực xây dựng.				

6. Quản lý Xây dựng (Mã ngành: 7580302)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức khoa học xã hội và tự nhiên phù hợp chuyên ngành; có kiến thức và lập luận kỹ thuật chuyên ngành vững chắc; có kiến thức bổ trợ để phát triển nghề nghiệp. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp. - Có năng lực trong lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án, thẩm định dự án, tham gia đấu thầu, lập kế hoạch triển khai thi công, kiểm soát khối lượng, thanh quyết toán dự án, quản lý chi phí và quản lý hợp đồng, lập và thẩm tra dự toán, tư vấn quản lý dự án. - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có kỹ năng tin học và ngoại ngữ đáp ứng cho công việc và môi trường hội nhập quốc tế. - Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có trách nhiệm trong công việc và xã hội. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới trong xây dựng để áp dụng vào thực tiễn. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP). <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. 				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Cấp học bổng hằng năm cho sinh viên Giỏi và Xuất sắc. - Hỗ trợ học phí đối với những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. - Cố vấn học tập sẽ luôn theo dõi và tư vấn cho việc học tập của sinh viên. - Hỗ trợ sinh viên tìm chỗ trọ và tìm việc làm cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp. 				

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý xây dựng được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý xây dựng được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng theo học chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý xây dựng, Quản lý công trình và đô thị. - Không ngừng học tập, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp. - Học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và vận dụng một cách sáng tạo vào công việc. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc cho các chủ đầu tư như lập dự án, quản lý dự án, thẩm định, định giá dự án. - Có thể làm việc cho các nhà thầu như đấu thầu, lập kế hoạch dự án triển khai thi công, kiểm soát khối lượng, thanh quyết toán dự án, quản lý chi phí và quản lý hợp đồng. - Có thể làm việc cho các công ty tư vấn xây dựng như lập dự toán, thẩm tra dự toán, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu. - Có thể làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước. - Có thể làm giảng viên cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp. 				
7. Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông (Mã ngành: 7580205)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản vào lĩnh vực chuyên ngành. - Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết được các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình giao thông. - Tính toán và đưa ra được các giải pháp thiết kế, thi công hợp lý các công trình giao thông theo các tiêu chuẩn, quy trình hiện hành. - Bóc tách khối lượng và dự toán các hạng mục xây dựng công trình. - Sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong chuyên ngành phục vụ cho 				

			<p>việc khảo sát địa hình, thí nghiệm công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phân tích, đánh giá chất lượng công trình và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp. - Kỹ năng tư vấn, giám sát, tổ chức thi công và quản lý các dự án xây dựng công trình giao thông. - Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo. - Kỹ năng làm việc độc lập, tư duy phản biện và khả năng tổ chức, hợp tác làm việc theo nhóm. - Có khả năng tự học và học tập suốt đời. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. - Có thái độ cầu thị trong lĩnh vực chuyên môn. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).. <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. - Sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên môn. 				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Cấp học bổng hằng năm cho sinh viên Giỏi và Xuất sắc. - Hỗ trợ học phí đối với những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. - Cố vấn học tập sẽ luôn theo dõi và tư vấn cho việc học tập của sinh viên. - Hỗ trợ sinh viên tìm chỗ trọ và tìm việc làm cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình 				

				giao thông được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu Trưởng trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng theo học chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành giao thông. - Không ngừng học tập, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng nghề nghiệp. - Học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và vận dụng một cách sáng tạo vào công việc. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Các Bộ, Sở Giao thông Vận tải; Bộ, Sở Xây dựng; Các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ, thuộc UBND tỉnh/UBND huyện; Các Phòng Hạ tầng, Phòng Xây dựng - Giao thông, Phòng Tài nguyên môi trường, Thanh tra xây dựng... thuộc UBND các quận huyện liên quan đến lĩnh vực hạ tầng giao thông. - Các công ty trong nước hoặc nước ngoài về tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công ở các lĩnh vực như xây dựng cầu đường, xây dựng dân dụng. - Làm cán bộ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục. 				
8. Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Mã ngành: 7580210)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. - Nắm vững các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi và kỹ thuật chuyên nghiệp về kỹ thuật hạ tầng đô thị bao gồm thiết kế, xây dựng và quản lý các lĩnh vực điện, hệ thống thông tin liên lạc, đường và giao thông, cấp thoát nước và xử lý môi trường đô thị để làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, giao tiếp làm việc nhóm và có kỹ năng tin học và ngoại ngữ đáp ứng cho công việc và môi trường hội nhập quốc tế. - Có khả năng lập quy hoạch, lập các dự án đầu tư, tính toán thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý các công trình cơ sở hạ tầng đô thị như 				

				<p>Điện, giao thông, cấp thoát nước, môi trường.</p> <p>- Có khả năng phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.</p> <p>c. Thái độ:</p> <p>- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội.</p> <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; sử dụng được các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ công tác tính toán thiết kế, lập dự toán, thẩm tra, quyết toán các công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>- Nhà trường có chương trình học bổng hằng năm cho những sinh viên có kết quả học tập tốt.</p> <p>- Nhà trường có chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.</p>				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p> <p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>- Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước.</p>				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>- Sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc ở các Bộ, Sở Giao thông Vận tải; Bộ, Sở Xây dựng; Các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ, thuộc UBND tỉnh/UBND huyện; Các Phòng Hạ tầng, Phòng Xây dựng - Giao thông, Phòng Tài nguyên môi trường, Thanh tra xây dựng... thuộc UBND các quận huyện; Các công ty trong nước hoặc nước</p>				

				ngoài về tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công ở các lĩnh vực như Điện, Cấp thoát nước, Giao thông, Môi trường và Xây dựng.				
9. Công nghệ thông tin (Mã ngành: 7480201)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. - Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở ngành ví dụ như: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Kiến trúc máy tính, Hệ điều hành, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính, Cơ sở dữ liệu,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các công nghệ mới. - Có kiến thức chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực CNTT. Sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về các Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông; Công nghệ phần mềm. Phần kiến thức chuyên ngành sẽ trang bị cho sinh viên: kiến thức liên quan đến nghiên cứu phát triển, gia công hay ứng dụng hệ thống phần mềm; kiến thức về thiết kế, xây dựng, cài đặt, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin, phần mềm của hệ thống máy tính và các hệ thống thiết bị dựa trên máy tính; kiến thức về mạng máy tính và truyền thông; xử lý các bài toán tính toán trong khoa học và kỹ thuật, lập trình các ứng dụng trong thực tế. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế. - Thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế. - Các kỹ năng về đánh giá chi phí, đảm bảo chất lượng của phần mềm. 				

			<ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ năng về kiểm thử, bảo trì và xây dựng tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống hiệu quả và dễ dùng. - Áp dụng tri thức Khoa học máy tính, quản lý dự án để nhận biết, phân tích và giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và phát triển phần mềm máy tính. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp. Có tư duy hệ thống và tư duy phân tích, có khả năng tóm tắt, tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn. - Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm: biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo nhóm, biết truyền thông trong nhóm, tổ chức làm việc nhóm và xử lý xung đột trong nhóm. - Sinh viên có kỹ năng giao tiếp: biết lắng nghe, trình bày một vấn đề trước đám đông. - Sinh viên có khả năng viết báo cáo kỹ thuật, báo cáo khoa học. - Sinh viên ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời. - Sinh viên có hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, có ý thức về những vấn đề đương đại. Hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội của đất nước và toàn cầu. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục vay vốn học tập, tìm nơi cư trú và quản lý trong thời gian học tập tại trường. - Có các câu lạc bộ và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. 				
IV	Chương trình đào tạo mà		- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin được ban				

	nhà trường thực hiện			<p>hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p> <p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>- Có khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng các thành tựu mới của công nghệ thông tin vào công việc thực tế.</p> <p>- Có khả năng cập nhật kiến thức, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ).</p>				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>- Làm việc trong các công ty sản xuất, gia công phần mềm trong nước, ngoài nước.</p> <p>- Làm việc ở bộ phận công nghệ thông tin hoặc cần ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị có nhu cầu (hành chính sự nghiệp, ngân hàng, viễn thông, hàng không, xây dựng ...).</p> <p>- Làm việc trong các công ty tư vấn đề xuất giải pháp, xây dựng và bảo trì các hệ thống thông tin, hệ thống mạng và truyền thông, hệ thống nhúng.</p> <p>- Giảng dạy các môn học thuộc về lĩnh vực công nghệ thông tin trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các trường nghề và các trường phổ thông.</p> <p>- Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: công nghệ phần mềm, công nghệ mạng và các hệ thống nhúng ở các viện nghiên cứu, các trung tâm và các cơ quan nghiên cứu.</p>				
10. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Mã ngành: 7510301)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <p>- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.</p>				

			<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận thông tin và kiến thức mới; có khả năng khai thác, nghiên cứu và ứng dụng khoa học cơ bản vào ngành học. - Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực điện, điện tử; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế đáp ứng yêu cầu công việc. - Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực điện, điện tử. - Có khả năng sáng tạo trong công việc để khai thác tối ưu các thiết bị điện, điện tử, các hệ thống điều khiển tự động. - Có khả năng nghiên cứu thiết kế, cải tiến nâng cấp, chế tạo các hệ thống, dây chuyền tự động phục vụ các yêu cầu khác nhau để chuyển giao công nghệ cho các đơn vị cần sử dụng. - Có khả năng vận hành, bảo trì, sửa chữa các hệ thống điện, điện tử, các thiết bị điện, điện tử dân dụng và công nghiệp. - Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành. - Có khả năng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tiếp cận công nghệ và kỹ năng sử dụng hiệu quả các thiết bị, dây chuyền công nghệ trong lĩnh vực điện, điện tử. - Có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn điện, điện tử ở những vị trí công tác trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dân dụng, sử dụng năng lượng điện hiệu quả. - Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết những vấn đề kỹ thuật liên quan, lân cận. - Có khả năng làm việc độc lập; có khả năng tổ chức, lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm đa ngành hiệu quả. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật, tác phong làm việc công nghiệp, tinh thần làm việc nhóm; khả năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và làm việc độc lập. - Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Tham gia có hiệu quả trong việc chuyển giao công nghệ, tổ chức sản 				
--	--	--	--	--	--	--	--

			<p>xuất, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.</p> <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP). - Có khả năng sử dụng được tài liệu tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho ngành học. <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. 				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục vay vốn học tập, tìm nơi cư trú và quản lý trong thời gian học tập tại trường. - Có các câu lạc bộ và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu triển khai các ứng dụng của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử trong thực tế. - Tích cực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý, kỹ thuật viên ở các xí nghiệp có lĩnh vực điện, điện tử. - Cán bộ tư vấn, giám sát, lập dự án, thiết kế điện, điện tử trong các công ty tư vấn. - Kỹ sư lắp đặt, chuyển giao công nghệ, quản lý vận hành, sửa chữa, bảo trì, cải tiến các hệ thống điện, điện tử trong các xí nghiệp công nghiệp và dân dụng. 				

				<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn học của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. - Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành điện như: Sở Công thương, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, ... 				
11. Quản trị kinh doanh (Mã ngành: 7340101)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn; - Giải thích và vận dụng thành thạo các lý thuyết và mô hình quản trị trong các tổ chức/doanh nghiệp; nhận diện và phân tích các giá trị (tài chính, nhân sự, marketing, chất lượng...) trên cơ sở phân tích các khía cạnh của môi trường kinh doanh trong nước và toàn cầu; - Có khả năng thẩm định các giá trị kinh tế trong quá trình phân bổ nguồn lực của tổ chức/doanh nghiệp; đánh giá và phân tích các quy trình, cấu trúc cũng như phương tiện để tiến hành kế hoạch, ra quyết định, thúc đẩy và kiểm soát các hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp theo mục tiêu chiến lược đã được lựa chọn; - Có khả năng nhận diện và vận dụng các lý thuyết nội bộ và lãnh đạo trong thiết lập tổ chức ở mức độ phù hợp với mục đích kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp; xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh phát sinh và tiến hành triển khai một dự án kinh doanh sáng tạo; <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và áp dụng tư duy phản biện, sáng tạo và các kỹ năng giao tiếp hiệu quả (giao tiếp trực tiếp, văn bản, đồ họa và số) để có thể làm việc độc lập và theo nhóm; <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của các chuyên gia kinh tế trong môi trường kinh doanh, xã hội và toàn cầu hóa; tôn trọng pháp luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết với công việc. 				

				<p>- Nhận thức được nhu cầu học tập suốt đời và cập nhật kiến thức để phát triển sự nghiệp liên tục cũng như sự nghiệp cá nhân.</p> <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>- Hỗ trợ cơ sở vật chất học tập tại trường và các điều kiện thích hợp khi học tập tại các đơn vị thực tế;</p> <p>- Hỗ trợ tài chính, học phí và các vấn đề tài chính để thuận lợi cho việc học tập tại trường;</p> <p>- Hỗ trợ thông tin truyền thông về các vấn đề liên quan đến trường và ngành học đến sinh viên;</p> <p>- Hỗ trợ và xây dựng liên kết với các doanh nghiệp thực tế.</p>				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p> <p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>- Tiếp tục theo học các bậc học cao hơn (sau đại học) ở trong nước và nước ngoài.</p> <p>- Khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời để nâng cao trình độ bản thân.</p>				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>- Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau, các cơ quan công quyền, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, viện nghiên cứu, giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.</p>				
12. Logistics & quản lý chuỗi cung ứng (Mã ngành: 7510605)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <p>- Hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính vào việc giải quyết</p>				

			<p>các vấn đề của doanh nghiệp; đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, diễn giải kiến thức về xu thế phát triển của Logistics và chuỗi cung ứng trong nền kinh tế xanh và hiện đại, có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế nhằm hỗ trợ và thúc đẩy tính tối ưu của dòng chảy hàng hóa tại mọi trung gian. - Có khả năng hình thành vấn đề, nhận thức các khu vực cần cải tiến trong tổ chức hệ thống Logistics tích hợp và xây dựng, thực hiện các chiến lược phù hợp cho công tác thiết kế, quản lý các hệ thống kinh doanh, hậu cần và công nghệ trong Logistics và chuỗi cung ứng. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá, ra quyết định và phát triển các kỹ năng quản lý liên quan đến hệ thống logistics trên các phương pháp tiếp cận đa ngành, thiết kế và bố trí kho bãi, mua hàng, sản xuất lưu trữ, vận chuyển và bán hàng một cách phù hợp nhất cho tình huống cụ thể. - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả (bằng miệng, văn bản, đồ họa, số) và giải quyết các vấn đề sáng tạo khi hoạt động trên các nhóm đa ngành với tư cách cá nhân cũng như hợp tác với các đối tác. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được trách nhiệm và đạo đức của các chuyên gia Logistics trong thế giới hiện đại; tôn trọng pháp luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết với công việc - Nhận thức được nhu cầu học tập suốt đời để phát triển sự nghiệp liên tục và phát triển các nhân. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cơ sở vật chất học tập tại trường và các điều kiện thích hợp khi học tập tại các đơn vị thực tế; - Hỗ trợ tài chính, học phí và các vấn đề tài chính để thuận lợi cho việc học tập tại trường; - Hỗ trợ thông tin truyền thông về các vấn đề liên quan đến trường và ngành học đến sinh viên; - Hỗ trợ và xây dựng liên kết với các doanh nghiệp thực tế. 				

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			- Chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được ban hành theo Quyết định số 47/QĐ-ĐHKT ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			- Tiếp tục theo học các bậc học cao hơn (sau đại học) ở trong nước và nước ngoài - Khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời để nâng cao trình độ bản thân.				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhiệm công tác tại các đơn vị kinh doanh như sau: - Các công ty dịch vụ Logistics; - Doanh nghiệp xuất nhập khẩu; - Công ty dịch vụ vận tải, giao nhận,... - Doanh nghiệp có các phòng ban phù hợp chuyên môn như: phòng điều phối vận tải, phòng kinh doanh xuất nhập khẩu, quản lý cảng biển, phòng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý kho bãi, dịch vụ khai báo hải quan, dịch vụ khách hàng, kinh doanh quốc tế, marketing hoặc cơ quan hải quan với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.				
13. Kế toán (Mã ngành: 7340301)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			a. Kiến thức: - Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên sâu của ngành kế toán để thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp. - Sinh viên hiểu được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong mối liên hệ với lĩnh vực kế toán. b. Kỹ năng: - Sinh viên thực hiện chính xác công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những bối cảnh khác nhau. - Sinh viên áp dụng khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán.				

				<p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo cử nhân có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp chuyên môn cao, có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội về những nhiệm vụ được giao. - Có lương tâm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, luôn có thái độ cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết với công việc. - Nhận thức được nhu cầu học tập và cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường - Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán.				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kế toán tài chính, kế toán quản trị hoặc kế toán thuế ở tất cả các bộ phận kế toán tại các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp; - Nhân viên kế toán tại công ty làm dịch vụ kế toán và thuế; - Nhân viên thuế tại các cơ quan thuế của Nhà nước; 				

				<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước; - Nhân viên tại các công ty tài chính hoặc các ngân hàng. 				
14. Tài chính – Ngân hàng (Mã ngành: 7340201)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng vào công việc chuyên môn. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng làm việc độc lập; có kỹ năng tin học và ngoại ngữ đáp ứng cho công việc và môi trường hội nhập quốc tế. - Có năng lực tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức khác. - Có khả năng phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị vững vàng, có tư cách đạo đức cá nhân và có trách nhiệm đối với xã hội. - Có sức khỏe tốt, có khả năng tư duy phản biện, có tinh thần cầu tiến, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên nghiệp; đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và cập nhật kiến thức để phát triển bản thân. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường. - Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. 				

				<ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của Trường. - Có các câu lạc bộ và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. - Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty bảo hiểm. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn và học lên các bậc học cao hơn. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ngân hàng làm việc ở các vị trí giao dịch viên, kiểm soát viên giao dịch, chuyên viên tín dụng, chuyên viên thẩm định tài sản và các vị trí khác tại các ngân hàng thương mại. - Chuyên viên môi giới chứng khoán, bất động sản, bảo hiểm tại các công ty chứng khoán, công ty bất động sản, công ty bảo hiểm, các công ty tài chính. - Tư vấn cộng đồng trong việc thực hiện các dịch vụ liên quan đến ngân hàng. - Chuyên viên Tài chính - ngân hàng tại các đơn vị quản lý nhà nước về Tài chính - tiền tệ. 				
15. Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Biên – Phiên dịch (Mã ngành: 7220201)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên phù hợp phục vụ cho việc học tập chuyên môn. - Có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Tiếng Anh trên các bình diện như ngữ âm, hình thái cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn hóa xã hội 				

			<p>phù hợp với chuyên môn đào tạo; cũng như được trang bị những kiến thức cần thiết về lý luận dịch, kỹ năng - kỹ thuật nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức, kỹ thuật chuyên sâu về biên - phiên dịch để biên - phiên dịch các chủ đề khác nhau liên quan đến thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và môi trường. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp hàng ngày và công việc liên quan đến chuyên môn đào tạo. - Biên dịch hiệu quả các văn bản thuộc các lĩnh vực thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và môi trường từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh và ngược lại. - Phiên dịch hiệu quả các cuộc đàm phán thương mại, giao tiếp thông thường, ở các hội thảo, hội nghị được tổ chức quy mô nhỏ và chủ đề không quá phức tạp. - Có khả năng vận dụng mang tính sáng tạo, linh hoạt phối hợp làm việc với nhiều bộ phận khác nhau, khả năng đáp ứng được những nhu cầu trước mắt và lâu dài của xã hội cũng như khả năng nhanh chóng hội nhập vào môi trường thực tế trong nền kinh tế hiện đại, có khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin lý thuyết và thực tiễn để giải quyết các vấn đề chuyên môn, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch, điều hành, theo dõi, đánh giá hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực biên-phiên dịch, có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được trách nhiệm, đạo đức xã hội và nghề nghiệp, có tinh thần học tập suốt đời để cập nhật và nâng cao kiến thức đáp ứng với sự thay đổi của xã hội. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tương đối thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày và trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn, và đạt chuẩn Tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương IELTS 6.5 hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương. - Sử dụng được một ngoại ngữ khác như Tiếng Trung hoặc Tiếng 				
--	--	--	--	--	--	--	--

				Nhật ở bậc 2 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương. e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			- Hỗ trợ miễn giảm học phí theo quy định của Nhà trường, cố vấn học tập các lớp, có học bổng của giảng viên dành cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sử dụng các kênh thông tin như internet để hỗ trợ sinh viên học tập, tổ chức giao lưu với các doanh nghiệp,....				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			- Sinh viên có khả năng theo học cao học Tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			Sinh viên tốt nghiệp từ Ngành Ngôn ngữ Anh Chuyên ngành Biên - Phiên dịch có thể đảm nhận các vị trí công việc sau: - Cán bộ biên phiên dịch của các sở Ngoại vụ. - Biên phiên dịch viên ở các cơ quan và doanh nghiệp có nhu cầu biên - phiên dịch. - Biên phiên dịch viên ở các dự án phi chính phủ. - Cán bộ, cộng tác viên ở các cơ quan báo chí và đài truyền hình. - Biên phiên dịch viên tự do. - Có thể làm việc trong lĩnh vực du lịch nếu có chứng chỉ nghiệp vụ du lịch. - Giảng dạy tiếng anh nếu có thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và công việc khác có sử dụng tiếng Anh.				
16. Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng anh du lịch (Mã ngành: 7220201)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ			a. Kiến thức:				

	<p>năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên phù hợp phục vụ cho việc học tập chuyên môn. - Có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Tiếng Anh trên các bình diện như phát âm, ngữ pháp, văn hóa xã hội phù hợp với chuyên môn đào tạo; được trang bị những kiến thức cần thiết về nghiệp vụ du lịch, hướng dẫn du lịch và một số kỹ năng biên dịch và phiên dịch cơ bản. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp hằng ngày và trong các công việc liên quan đến du lịch. - Có khả năng quản trị, lên kế hoạch, điều hành, tổ chức và hướng dẫn viên trong các công việc liên quan đến du lịch. - Có khả năng vận dụng mang tính sáng tạo, linh hoạt phối hợp làm việc với nhiều bộ phận khác nhau, khả năng đáp ứng được những nhu cầu trước mắt và lâu dài của xã hội cũng như khả năng nhanh chóng hội nhập vào môi trường thực tế trong nền kinh tế hiện đại, có khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin lý thuyết và thực tiễn để giải quyết các vấn đề chuyên môn, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch, điều hành, theo dõi, đánh giá hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực du lịch, có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được trách nhiệm, đạo đức xã hội và nghề nghiệp, có tinh thần học tập suốt đời để cập nhật và nâng cao kiến thức đáp ứng với sự thay đổi của xã hội. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tương đối thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày và trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn, và đạt chuẩn Tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương IELTS 6.5 hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương. - Sử dụng được một ngoại ngữ khác như Tiếng Trung hoặc Tiếng Nhật ở bậc 2 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương. <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin</p>				
--	---	--	---	--	--	--	--

				<p>ơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<p>- Hỗ trợ miễn giảm học phí theo quy định của Nhà trường, cố vấn học tập các lớp, có học bổng của giảng viên dành cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sử dụng các kênh thông tin như internet để hỗ trợ sinh viên học tập, tổ chức giao lưu với các doanh nghiệp,...</p>				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh du lịch được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh du lịch được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>- Sinh viên có khả năng theo học cao học Tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.</p>				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch có thể đảm nhận các vị trí công việc tại cơ quan quản lý du lịch (Sở Du lịch và văn hóa), tại các công ty du lịch, lữ hành như hướng dẫn viên du lịch, lễ tân, điều hành tour du lịch, quản lý du lịch, ... và làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu tuyển dụng sinh viên có năng lực Tiếng Anh.</p>				
17. Ngôn ngữ Trung Quốc (Mã ngành: 7220204)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			<p>Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức: - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên phù hợp phục vụ cho việc học tập chuyên môn. - Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về ngôn ngữ Trung Quốc theo mô hình ngôn ngữ ứng dụng, giúp người học sử dụng thành thạo ở cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và cung cấp những kiến thức về văn hóa, xã hội phù hợp với chuyên môn đào tạo.</p>				

			<p>- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch thuật, các kiến thức liên quan về hai hoạt động Biên dịch và Phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo chính trong Biên dịch và Phiên dịch.</p> <p>b. Kỹ năng:</p> <p>- Biết cách ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch vào dịch thuật trong các lĩnh vực ngoại giao, thương mại, giáo dục, du lịch... mà không gặp trở ngại ngôn ngữ và tâm lý trong quá trình giao tiếp.</p> <p>- Trang bị kiến thức bổ trợ và kỹ năng - kỹ thuật nghiệp vụ biên phiên dịch.</p> <p>- Vận dụng kiến thức thực tiễn, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin lý thuyết và thực tiễn để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch, điều hành, theo dõi, đánh giá hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực biên - phiên dịch.</p> <p>c. Thái độ:</p> <p>- Có năng lực, tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự học và phong cách giao tiếp hiệu quả, chuyên nghiệp; có khả năng vận dụng mang tính sáng tạo, linh hoạt phối hợp làm việc với nhiều bộ phận khác nhau, khả năng đáp ứng được những nhu cầu trước mắt và lâu dài của xã hội cũng như khả năng nhanh chóng hội nhập vào môi trường thực tế trong nền kinh tế hiện đại.</p> <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Tiếng Trung bậc 4 và ngoại ngữ 2 Tiếng Anh bậc 3, tiếng Nhật bậc 2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)</p> <p>e. Trình độ Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>- Hỗ trợ miễn giảm học phí theo quy định của Nhà trường, cố vấn học tập các lớp, có học bổng của giảng viên dành cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sử dụng các kênh thông tin như internet để hỗ trợ sinh viên học tập, tổ chức giao lưu với các doanh nghiệp,...</p>				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung quốc được ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTDN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p> <p>- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Trung quốc được ban</p>				

				hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học trong và ngoài nước. - Vận dụng được kiến thức đã học để tiếp cận, nắm bắt, vận dụng vào những lĩnh vực chuyên môn chưa học chuyên sâu ở nhà trường. - Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí quản lý ở các cơ quan, doanh nghiệp. - Phát triển được năng lực hội nhập quốc tế trong học tập và nghiên cứu khoa học. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<ul style="list-style-type: none"> - Đảm nhận được công việc hoặc vị trí tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc. - Đảm nhận được công việc hoặc vị trí công tác tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan đến công việc giao dịch quốc tế, đối ngoại, các sở ngoại vụ, biên dịch hay phiên dịch. - Đảm nhận được công việc hoặc vị trí tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch và một số lĩnh vực dịch vụ - kinh tế khác. 				
18. Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành (Mã ngành: 7810103)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>a. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết những kiến thức tổng hợp về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các ngành khoa học liên quan ứng dụng trong du lịch. - Có hiểu biết về lý luận chính trị; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước vận dụng trong ngành Du lịch. - Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, pháp luật... trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững. - Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị kinh 				

			<p>doanh du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định chính sách kinh doanh du lịch lữ hành, khách sạn và nhà hàng; - Có năng lực tham gia tổ chức các sự kiện; <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, có kỹ năng ứng xử giao tiếp và có khả năng thuyết trình, diễn thuyết,... - Thực hiện tốt các kỹ năng cần có trong nghiệp vụ lữ hành, hướng dẫn, tổ chức sự kiện. - Có kỹ năng giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất. - Thực hiện tốt các kỹ năng về bán hàng – Marketing trong các doanh nghiệp du lịch. - Phân tích, xây dựng, tổ chức thực hiện, điều hành và kiểm soát việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình... trong doanh nghiệp du lịch dịch vụ. <p>c. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo... - Phẩm chất đạo đức xã hội như: Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành quản trị kinh doanh trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống. - Có ý thức học tập suốt đời và có ý thức trách nhiệm xã hội. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ: Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP).</p> <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. - Vận hành được các phần mềm quản lý Khách sạn, Nhà hàng, Điều hành tour. 				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> - Có website và fanpage thường xuyên cập nhật thông tin, tương tác để hỗ trợ người học kịp thời. - Các giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm hỗ trợ sinh viên khi cần 				

				thiết. - Các chương trình liên kết hợp tác với các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn để hỗ trợ sinh viên về thực tập, thực tế.				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được ban hành theo Quyết định số 17/2018/QĐ-ĐHKTDN ngày 8 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được ban hành theo Quyết định số 450/2019/QĐ-ĐHKTDN ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			- Sau khi tốt nghiệp, người học có thể thực hiện các nghiên cứu và học nâng lên trình độ cao hơn như thạc sĩ, nghiên cứu sinh thuộc các lĩnh vực có liên quan. Người học có thể theo học các chương trình liên kết với nước ngoài,...				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể làm việc tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch như: Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, kinh doanh khách sạn – nhà hàng, kinh doanh vận chuyển du lịch, đơn vị tổ chức các sự kiện du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực quảng cáo du lịch, kinh doanh điểm đến du lịch, ... - Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn có thể đảm nhận các công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các cơ quan truyền thông như báo, tạp chí, đài phát thanh, đài truyền hình và làm việc trực tiếp ở những công việc cụ thể của khách sạn, nhà hàng, đại lý du lịch và lữ hành, cửa hàng bán các sản phẩm lưu niệm cho khách du lịch. - Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành còn có thể đảm nhận công việc tại các tổ chức hợp tác quốc tế, các tổ chức phi chính phủ về du lịch.				
19. Quản trị khách sạn (Mã ngành: 7810201)								
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ			a. Kiến thức:				

	<p>năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các chỉ tiêu thống kê; vận dụng được kiến thức và kỹ năng để quản trị được các dịch vụ trong khách sạn, tổ chức, điều hành và giám sát, từ đó nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của khách sạn. - Phân biệt được văn hóa ẩm thực các vùng miền Việt Nam, các quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...) và giữa các tôn giáo chính trên thế giới, từ đó xây dựng thực đơn cũng như tổ chức phục vụ ăn uống cho khách du lịch. - Nắm được các kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh: kinh tế học, toán trong kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính tiền tệ và kế toán... - Có kiến thức về du lịch, quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, kinh tế du lịch, tâm lý, giao tiếp và đàm phán trong lĩnh vực du lịch, khách sạn. - Có kiến thức về pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức, quy tắc ứng xử trong kinh doanh du lịch, kinh doanh lưu trú. - Có kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa của Việt Nam và thế giới vận dụng trong lĩnh vực du lịch và khách sạn. - Nắm được các nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững và phát triển du lịch có trách nhiệm. <p>b. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được những kiến thức khoa học nền tảng về kinh tế, văn hóa, chính trị, pháp luật vào học tập, vào công việc và cuộc sống phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội Việt Nam. - Thực hiện thuần thục các qui trình nghiệp vụ cơ bản và điều hành hoạt động hàng ngày của các bộ phận theo tiêu chuẩn của Khách sạn (lễ tân, buồng, nhà hàng, bar, hội nghị - hội thảo, giải trí). - Vận dụng được kiến thức và kỹ năng để tổ chức thực hiện được các sự kiện trong ngành du lịch. - Thực hiện các quy định về an toàn an ninh, quản lý các thiết bị an toàn, an toàn trong công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý đồ Lost & found... trong kinh doanh khách sạn. - Ứng xử, giao tiếp mang tính chuyên nghiệp, đặc biệt vận dụng được các kỹ năng phục vụ cho công việc: Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng mềm khác. <p>c. Thái độ:</p>				
--	---	--	---	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh khách sạn và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng. - Thể hiện ý thức và khả năng học tập suốt đời và có tinh thần khởi nghiệp sáng tạo. <p>d. Trình độ Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức và kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh/Nhật với khách hàng, đồng nghiệp và các đối tác liên quan trong môi trường kinh doanh đa văn hóa. - Đạt chuẩn Bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP). <p>e. Trình độ Tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 - Sử dụng thành thạo phần mềm quản lý nhà hàng, khách sạn trong hoạt động hàng ngày và các ứng dụng công nghệ thông tin để truy xuất, tạo, sắp xếp và truyền đạt thông tin nhằm nâng cao hiệu suất làm việc của cá nhân và tổ chức khách sạn, nhà hàng. 				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Có website và fanpage thường xuyên cập nhật thông tin, tương tác để hỗ trợ người học kịp thời. - Các giảng viên chủ nhiệm luôn quan tâm hỗ trợ sinh viên khi cần thiết. - Các chương trình liên kết hợp tác với các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn để hỗ trợ sinh viên về thực tập, thực tế. 				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn được ban hành theo Quyết định số .../ĐHKTĐN ngày .../.../2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. 				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp; - Có khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển năng lực bản thân để trở thành các nhà quản lý các cấp khác nhau trong lĩnh vực du lịch – khách sạn và các lĩnh vực khác. - Có khả năng học tập, nghiên cứu, phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc nhóm ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. 				
VI	Vị trí làm sau khi tốt			<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên lễ tân, nhân viên sale – Marketing, Nhân viên đón tiếp, 				

	nghiep		<p>Nhân viên chăm sóc khách hàng; Nhân viên Bellman; Nhân viên Buồng phòng; Nhân viên phục vụ nhà hàng,....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về Du lịch hoặc các lĩnh vực có liên quan. - Làm việc tại các tổ chức báo chí, truyền thông, truyền hình có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, du lịch. - Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ có liên quan đến du lịch và phát triển du lịch bền vững. 				
--	--------	--	--	--	--	--	--

Biểu mẫu 18**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế năm học 2020 – 2021****A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại (đến ngày 21 /06/2021)**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	X	X	5247	X	X	X	X	X
1	Khối ngành I	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Khối ngành II	X	X	304	X	X	X	X	X
3	Khối ngành III	X	X	886	X	X	X	X	X
4	Khối ngành IV	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Khối ngành V	X	X	2421	X	X	X	X	X
6	Khối ngành VI	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Khối ngành VII	X	X	1636	X	X	X	X	X

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm (Sinh viên Tốt nghiệp năm 2019)

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	724	1.66%	12.85%	64.78%	92,82
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II	40	0.00%	29.20%	80.00%	100
3	Khối ngành III	114	3.51%	16.67%	64.91%	91,45
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V	425	0.71%	10.12%	61.18%	96,12
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	145	3.45%	16.55%	71.03%	82,76

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngành/chuyên ngành	Khối kiến thức	Mục đích môn học	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	INT118	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Đại cương			
2	Kỹ thuật điện tử	ELE101	2	Công nghệ thông tin	Đại cương			
3	Ngôn ngữ lập trình C	CPL101	4	Công nghệ thông tin	Đại cương			
4	Nhập môn lập trình	ITP101	4	Công nghệ thông tin	Đại cương			
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối kỹ thuật	RSM102	2	Công nghệ thông tin	Đại cương			
6	Tương tác người- máy	HCI301	3	Công nghệ thông tin	Đại cương			
7	Tiếng Anh chuyên ngành	EEE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Đại cương			
8	Mỹ học đại cương	GAS103	2	Thiết kế đồ họa	Đại cương			
9	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2	Thiết kế đồ họa Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
10	Nhập môn ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	INT117	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Đại cương			
11	Toán ứng dụng trong kinh tế	AMB109	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Đại cương			
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối kinh tế	RSM101	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại cương			

13	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối năng khiếu	RSM103	2	Kiến trúc Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Đại cương			
14	Kỹ năng mềm	SSK101	2	Kiến trúc Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Công nghệ thông tin Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	BVC106	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Ngôn ngữ Anh Quản trị kinh doanh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
16	Nhập môn ngành Quản lý xây dựng	ICM101	2	Quản lý xây dựng	Đại cương			
17	Phương pháp định lượng trong kinh tế	QME101	3	Quản trị kinh doanh	Đại cương			
18	Kỹ năng mềm	SSK104	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
19	Ngoại ngữ 2 - Học phần 1	SFL101	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
20	Ngoại ngữ 2 - học phần 2	CFL108	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			

21	Ngoại ngữ 2 - học phần 3	CFL109	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
22	Môi trường và con người	EAP114	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Ngoại ngữ	RSM104	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
24	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	RCV101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

25	Giáo dục quốc phòng 1	EDS101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương		
26	Giáo dục quốc phòng 2	EDS102	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán	Đại cương		

				Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
27	Giáo dục quốc phòng 3	EDS103	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
28	Giáo dục thể chất 1	PHE101	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Đại cương			

				Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
29	Giáo dục thể chất 2	PHE102	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

30	Giáo dục thể chất 3	PHE103	1 Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
31	Giáo dục thể chất 4	PHE104	1 Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán	Đại cương			

				Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
32	Giáo dục thể chất 5	PHE105	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
33	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	PML101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Đại cương			

				Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
34	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	PML102	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

35	Pháp luật đại cương	LAW101	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
36	Tiếng anh cơ bản 1	GNE101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán	Đại cương			

				Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
37	Tiếng anh cơ bản 2	GNE102	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

38	Tiếng anh cơ bản 3	GNE103	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
39	Tin học đại cương	INF101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán	Đại cương			

				Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
40	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM101	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
41	Ngoại ngữ 2 học phần 1	CFL101	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
42	Ngoại ngữ 2 học phần 2	CFL102	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
43	Ngoại ngữ 2 học phần 3	CFL103	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
44	Ngôn ngữ học đối chiếu	CAN108	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

45	Hóa học đại cương	CMT101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Đại cương			
46	Xác suất thống kê B	PMS102	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Đại cương			
47	Vật lý	PHY101	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Đại cương			
48	Giải tích 1	CAL101	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			
49	Giải tích 2	CAL102	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			

50	Đại số	AGR101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			
51	Adobe Illustrator	AIT205	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
52	Adobe Photoshop	APS206	3	Thiết kế đồ họa Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
53	Âm học và Quang học kiến trúc	AAL204	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
54	Âm thanh ánh sáng	SAL213	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
55	An toàn điện	ESA201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
56	Architectural Programming	APR208	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
57	Autocad	AUC201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
58	Bố cục tạo hình	GMD207	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
59	Bố cục tạo hình	VIC202	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
60	Bố cục tạo hình 2	GMD208	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
61	Bố cục tạo hình 3	GMD209	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
62	Bố cục tạo hình Kiến trúc	GMD210	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
63	Cấp thoát nước	WSU206	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
64	Cấu tạo kiến trúc	ARD203	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
65	Cấu tạo kiến trúc 1	ARD201	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
66	Cấu tạo kiến trúc 2	ARD202	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
67	Cấu trúc dữ liệu	DTS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			

68	Chương trình dịch	CPL201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
69	Cơ học cơ sở 1	MEC203	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
70	Cơ học cơ sở 2	MEC204	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
71	Cơ học công trình	CME220	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
72	Cơ học đất	SOM212	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
73	Cơ học đất và nền móng	SMF221	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
74	Cơ học kết cấu 1	SME207	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
75	Cơ học kết cấu 2	SME208	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
76	Cơ sở dữ liệu	DBS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
77	Cơ sở kiến trúc 1	AGP205	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
78	Cơ sở kiến trúc 2	AGP206	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			

79	Cơ sở kiến trúc 3	AGP207	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
80	Cơ sở kiến trúc nội thất 1	BIA204	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
81	Cơ sở kiến trúc nội thất 2	BIA205	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
82	Cơ sở kiến trúc nội thất 3	BIA206	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
83	Cơ sở Quy hoạch	PGP208	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
84	Cơ sở tạo hình 1	FOB221	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
85	Cơ sở tạo hình 2	FOB222	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
86	Cơ sở văn hóa Việt Nam	FVC213	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
87	Cơ ứng dụng	AME201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
88	Công nghệ phần mềm	SWE201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
89	Công nghệ WEB	WEB202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
90	Công thái học - Ergonomics	ERG215	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
91	Cú pháp học - hình thái học	SYN221	3	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
92	Cú pháp tiếng Trung	CSY248	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
93	Địa chất công trình	GEO211	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
94	Điện tử công suất	POE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
95	Điện tử ứng dụng	APE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
96	Điều khiển	SCT203	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
97	Đồ án giải thuật và lập trình	AAD203	2	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
98	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép A	PRC202	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
99	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép B	PRC203	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Cơ sở ngành			
100	Đồ án Kết cấu thép	PSS219	1	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			

101	Đồ án Kiến trúc dân dụng và Công nghiệp	PCA209	2	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
102	Đồ án lập trình hệ thống	SYP202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
103	Đồ án Nền và móng	FPR217	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
104	Đồ án phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	ISD202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
105	Đồ họa ảnh	PHG204	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
106	Đọc - Viết 1	IRW204	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
107	Đọc - Viết 2	IRW205	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
108	Đọc 1	CRE201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
109	Đọc 1	REA201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
110	Đọc 2	CRE202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
111	Đọc 2	REA202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
112	Đọc 3	CRE203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
113	Đọc 3	REA203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
114	Đọc 4	CRE204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
115	Giải phẫu tạo hình	ANT213	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
116	Hán Ngữ cổ đại	CCL264	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
117	Hán Nôm Việt Nam	CSV263	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
118	Hệ điều hành	OPS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
119	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	DMS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
120	Hệ thống cung cấp điện	ESS201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			

121	Hệ thống thông tin trong ngân hàng	ISB201	2	Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			
122	Hình chiếu phối cảnh và bóng	PSA202	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
123	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	DGD201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
124	Hình họa 1	DEG208	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
125	Hình họa 2	DEG209	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
126	Hình họa 3	DEG210	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
127	Hình họa 4	DEG211	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
128	Hình họa 5	DEG212	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
129	Hình học họa hình	DGM201	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kiến trúc Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
130	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	ASM220	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
131	Kế toán quản trị nâng cao	AMA222	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
132	Kế toán quốc tế	IAC223	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
133	Kế toán tài chính	FAC229	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Cơ sở ngành			
134	Kế toán tài chính doanh nghiệp	FAC224	3	Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			
135	Kết cấu bê tông cốt thép	RCS201	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
136	Kết cấu bê tông cốt thép B	RCS202	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			

137	Kết cấu thép B	SST236	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
138	Kết cấu thép, gỗ	SWS204	3	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			
139	Khí cụ điện	EDE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
140	Khí hậu kiến trúc	CLA203	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
141	Khoa học màu sắc	CLT214	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
142	Kiểm soát nội bộ	ICO221	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			
143	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp ngành QLXD	CIA207	3	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
144	Kiến trúc máy tính	COS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
145	Kiến trúc nhập môn	IAC209	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
146	Kiến trúc Nội thất nhập môn	IAI203	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
147	Kinh tế học	ECO201	2	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
148	Kinh tế lượng	ECM204	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
149	Kinh tế quốc tế	IEC206	2	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Cơ sở ngành			
150	Kinh tế vi mô	MIC201	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			

151	Kinh tế vĩ mô	MAC202	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
152	Kỹ năng đọc nâng cao	ADR236	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
153	Kỹ năng thực hành nâng cao 1	ADS201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
154	Kỹ năng thực hành nâng cao 2	ADS202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
155	Kỹ năng thực hành nâng cao 3	ADS203	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
156	Kỹ năng thực hành nâng cao 4	ADS204	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
157	Kỹ thuật cảm biến	SEN201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
158	Kỹ thuật cơ điện	MEE202	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
159	Kỹ thuật điện	EEN202	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Cơ sở ngành			
160	Kỹ thuật đo lường điện	EME201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
161	Kỹ thuật mô hình	MMT208	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
162	Kỹ thuật mô hình Nội thất	MTI212	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
163	Kỹ thuật nhiệt	THE203	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
164	Kỹ thuật sân vườn	GAT210	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
165	Kỹ thuật thể hiện đồ án	PRL211	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
166	Kỹ thuật xung số	PDE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
167	Lập trình di động	MOB201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
168	Lập trình hệ thống	SYN201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
169	Lập trình hướng đối tượng	OOP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			

170	Lập trình JAVA cơ bản	BJP201	4	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
171	Lập trình Java nâng cao	AJP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
172	Lập trình trò chơi trên máy tính	GAP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
173	Lập trình trong windows	PRW201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
174	Lập trình Web	WEB201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
175	Lịch sử mỹ thuật	FAH217	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
176	Lịch sử Thiết kế đồ họa	HGD201	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
177	Luật kinh tế	BLA201	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
178	Luật phối cảnh	LWP210	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
179	Luật sở hữu trí tuệ	IPL218	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
180	Luật xa gần	PET219	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
181	Luật xây dựng	BLA202	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
182	Luyện âm	CST244	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
183	Luyện âm	SPT217	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
184	Lý thuyết mạch điện 1	TEC201	4	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
185	Lý thuyết mạch điện 2	TEC202	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
186	Lý thuyết trường điện từ	TEF201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
187	Mạng lưới điện	ELN205	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			

188	Mạng máy tính	CPN201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
189	Marketing căn bản	MKT205	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
190	Máy điện 1	ELM201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
191	Máy điện 2	ELM202	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
192	Nền và móng	FOU216	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
193	Nghe - Nói 1	LSP201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
194	Nghe - Nói 2	LSP202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
195	Nghe - Nói 3	LSP203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
196	Nghe - Nói 4	LSP204	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
197	Nghe - Nói 5	LSP205	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
198	Nghe - Nói 6	LSP206	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
199	Nghe - Nói 7	LSP207	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
200	Nghe - Nói 8	LSP208	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
201	Nghe 1	CLI201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
202	Nghe 2	CLI202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
203	Nghe 3	CLI203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			

204	Nghe 4	CLI204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
205	Nghe 5	CLI205	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
206	Nghệ thuật chữ	TYP203	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
207	Nghiên cứu marketing	MKR207	3	Quản trị kinh doanh	Cơ sở ngành			
208	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	TOG250	3	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
209	Ngôn ngữ hình thức và ô tô máy	FLA201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
210	Ngôn ngữ và văn hóa	LAC243	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
211	Ngữ âm – Âm vị học	PHO220	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
212	Ngữ âm văn tự Tiếng Trung	CPH247	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
213	Ngữ dụng học	PRA223	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
214	Ngữ nghĩa học	SEM222	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
215	Ngữ pháp 1	GRA201	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
216	Ngữ pháp 2	GRA202	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
217	Nguyên lý thống kê kinh tế	PBS203	2	Kê toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
218	Nói 1	CSP201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
219	Nói 2	CSP202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
220	Nói 3	CSP203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
221	Nói 4	CSP204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
222	Nói 5	CSP205	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
223	Nói nâng cao	SPK205	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
224	Phần mềm 3Ds Max	MAX202	3	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			

225	Phân tích và thiết kế giải thuật	AAD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
226	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	ISD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
227	Sức bền vật liệu 1	MRM205	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
228	Sức bền vật liệu 2	MRM206	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
229	Tâm lý khách du lịch	PTG249	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
230	Tâm lý khách du lịch và kỹ năng giao tiếp	TPS211	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
231	Thẩm mỹ công nghiệp	INB212	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
232	Tham quan nghề nghiệp	CAF240	1	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			
233	Thí nghiệm cơ học đất	SMT213	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
234	Thí nghiệm Điện tử công suất	POE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
235	Thí nghiệm Khí cụ điện	EDE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
236	Thí nghiệm Kỹ thuật xung số	PDE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
237	Thí nghiệm Lý thuyết mạch điện	TEC203	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
238	Thí nghiệm Máy điện	ELM203	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
239	Thí nghiệm Truyền động điện	EDR202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			

240	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	BMT215	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
241	Thiết kế hệ thống hướng đối tượng	OOD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
242	Thực hành Điện cơ bản	BEP201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
243	Thực hành Kỹ thuật đo lường điện	EME202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
244	Thực hành máy điện	ELM205	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
245	Thực tập nhận thức	INT201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
246	Thủy lực	HYD209	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
247	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	ENG201	2	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
248	Tiếng Anh giảng dạy 1	EFT261	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
249	Tiếng Anh giảng dạy 2	EFT262	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
250	Tiếng Anh kế toán	EFA238	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
251	Tiếng Anh ngành Kiến trúc	EAC201	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
252	Tiếng Anh ngành Quy hoạch	EIP201	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
253	Tiếng Anh thương mại	EFB237	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
254	Tiếng Anh trong đàm phán	EIN244	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			

255	Tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế	EIC227	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
256	Tiếng Trung du lịch	CCT261	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
257	Tiếng Trung thương mại	CCB265	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
258	Tiếng Trung văn phòng	CCO262	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
259	Tin học chuyên ngành 1	DCO203	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
260	Tin học chuyên ngành 2	DCO204	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
261	Tổ chức lễ hội và sự kiện	CFV253	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
262	Toán chuyên ngành	MEE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
263	Toán rời rạc	DCM201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
264	Trắc địa cơ sở	BSU218	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
265	Trang trí cơ bản	DCB216	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
266	Truyền động điện	EDR201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
267	Tư duy phản biện	CRT242	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
268	Từ pháp tiếng Trung	CLE249	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
269	Từ vựng tiếng Trung	CMO249	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
270	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	TOR248	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
271	Văn hóa Anh - Mỹ	CUL224	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
272	Văn hóa doanh nghiệp	CAS272	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
273	Văn hóa Trung Quốc	CAS271	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
274	Văn học Anh-Mỹ	BAL252	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
275	Văn học Trung Quốc	CLT252	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			

276	Vật liệu xây dựng	BMA214	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
277	Vật lý kiến trúc	BPS206	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
278	Vẽ cách điệu thiên nhiên	SNA215	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
279	Vẽ ghi	ABD211	1	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
280	Vẽ ghi nội thất	INS209	1	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
281	Vẽ kỹ thuật	DRA201	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
282	Vẽ kỹ thuật xây dựng	CED202	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
283	Vẽ mỹ thuật 1	FDR204	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
284	Vẽ mỹ thuật 2	FDR205	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
285	Vi xử lý	MIP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
286	Viết 1	CWR201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			

287	Viết 1	WRI201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
288	Viết 2	CWR202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
289	Viết 2	WRI202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
290	Viết 3	WRI203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
291	Xử lý ảnh	IMP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
292	3Ds Max	MAX328	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
293	Adobe InDesign	AID210	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
294	An toàn lao động	CSA338	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
295	An toàn lao động	SAF318	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
296	Bảo tồn di sản kiến trúc	AHP334	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
297	Bảo vệ Role và tự động hóa	RPA311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
298	Biên dịch 1	CTR301	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
299	Biên dịch 1	TRA301	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
300	Biên dịch 2	CTR302	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
301	Biên dịch 2	TRA302	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
302	Biên dịch 3	TRA303	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
303	CAD trong kỹ thuật điện	CEE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
304	Cấp nước đô thị	UWS317	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
305	Cấu tạo nội thất	INS319	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
306	Chiếu sáng đô thị	ULI335	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
307	Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị	PBL315	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
308	Chuyên đề cầu	BSE325	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			

309	Chuyên đề đường	RSE324	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
310	Chuyên đề Kết cấu bê tông cốt thép	TRC321	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
311	Chuyên đề Kết cấu thép	TSS323	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
312	Chuyên đề Kỹ thuật lập trình	PRE302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
313	Chuyên đề Nền và móng	TFO324	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
314	Công cụ tài chính phái sinh	FDE320	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
315	Công nghệ xây dựng hiện đại	MCT335	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
316	Công trình cầu	BRW341	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
317	Công trình đô thị, công trình ngầm	UUW327	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
318	Công trình đô thị, công trình ngầm	UUW328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
319	Công trình đường	ROW304	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
320	Công trình thủy lợi - thủy điện	IHS318	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
321	Đặc tả hình thức	FOS301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
322	Đàm phán trong kinh doanh	NIB319	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
323	Đánh giá tác động môi trường	EIA328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
324	Đất nước học Trung Quốc	CIS301	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
325	Đấu thầu	BID313	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
326	Đề án Kế toán tài chính	PFA314	2	Kế toán	Chuyên ngành			
327	Đề án Khởi sự kinh doanh	ETR311	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
328	Đề án Nhập môn tài chính tiền tệ	MFT302	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			

329	Dịch vụ du lịch lữ hành	TTS301	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
330	Điều khiển Điện – Khí nén	EPC301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
331	Điều khiển lập trình PLC	PLC301	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
332	Điều khiển số	DIC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
333	Điều khiển truyền động điện	EDC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
334	Điều khiển và ghép nối thiết bị ngoại vi	PCL301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
335	Định giá sản phẩm xây dựng	VBP307	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
336	Định mức kỹ thuật trong xây dựng	CNO308	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
337	Định mức xây dựng	CNO306	4	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
338	Đồ án Ấn phẩm văn phòng	GPD317	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
339	Đồ án Bao bì sản phẩm	GPD318	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
340	Đồ án Cấp nước đô thị	PUW318	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
341	Đồ án Catalogue - Brochure	GPD320	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
342	Đồ án cấu tạo kiến trúc	ADD342	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
343	Đồ án Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị	PLC317	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
344	Đồ án chuyên ngành công nghệ phần mềm	SOP301	2	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
345	Đồ án Cung cấp điện	ESS302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
346	Đồ án Điện tử công suất	POE302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
347	Đồ án Điều khiển lập trình PLC	PLC304	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
348	Đồ án đồ họa 1	GPR316	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
349	Đồ án đồ họa 10	GPR325	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
350	Đồ án đồ họa 11	GPR326	5	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
351	Đồ án đồ họa 2	GPR317	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

352	Đồ án đồ họa 3	GPR318	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
353	Đồ án đồ họa 4	GPR319	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
354	Đồ án đồ họa 5	GPR320	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
355	Đồ án đồ họa 6	GPR321	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
356	Đồ án đồ họa 7	GPR322	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
357	Đồ án đồ họa 8	GPR323	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
358	Đồ án đồ họa 9	GPR324	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
359	Đồ án Kết cấu nhà bê tông cốt thép	PRB306	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
360	Đồ án Kết cấu nhà thép	PSB308	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
361	Đồ án Kiến trúc 1	ADS329	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
362	Đồ án Kiến trúc 2	ADS330	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
363	Đồ án Kiến trúc 3	ADS331	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
364	Đồ án Kiến trúc 4	ADS332	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
365	Đồ án Kiến trúc 5	ADS333	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
366	Đồ án Kiến trúc công cộng 1	ADS320	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
367	Đồ án Kiến trúc công cộng 2	ADS321	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
368	Đồ án Kiến trúc công cộng 2 - 5TC	ADS328	5	Kiến trúc	Chuyên ngành			
369	Đồ án Kiến trúc công cộng 3	ADS322	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
370	Đồ án Kiến trúc công cộng 4	ADS323	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
371	Đồ án Kiến trúc công cộng 5	ADS324	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
372	Đồ án Kiến trúc công cộng 6	ADS325	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
373	Đồ án Kiến trúc công cộng 7	ADS326	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
374	Đồ án Kiến trúc Công nghiệp	ADS327	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
375	Đồ án Kiến trúc dân dụng ngành Xây dựng	DAC340	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
376	Đồ án Kiến trúc nhà ở 1	ADS318	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
377	Đồ án Kiến trúc nhà ở 2	ADS319	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			

378	Đồ án Kiến trúc nhỏ	ACD312	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
379	Đồ án Kiến trúc tổng hợp	PFP328	5	Kiến trúc	Chuyên ngành			
380	Đồ án Kinh tế đầu tư	PIE324	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
381	Đồ án Kinh tế đầu tư và quản trị dự án	IEP309	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
382	Đồ án Kỹ thuật thi công	PCT310	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
383	Đồ án Lịch - Thiệp	GPD319	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
384	Đồ án Logo	GPD316	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
385	Đồ án Mạng điện đô thị	PUP322	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
386	Đồ án Minh họa tạp chí	GPD322	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
387	Đồ án Nội - Ngoại thất	IED314	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
388	Đồ án Nội thất 1	INP323	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
389	Đồ án Nội thất 10	INP332	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
390	Đồ án Nội thất 11	INP333	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
391	Đồ án Nội thất 2	INP324	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
392	Đồ án Nội thất 3	INP325	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
393	Đồ án Nội thất 4	INP326	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
394	Đồ án Nội thất 5	INP327	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
395	Đồ án Nội thất 6	INP328	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
396	Đồ án Nội thất 7	INP329	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
397	Đồ án Nội thất 8	INP330	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
398	Đồ án Nội thất 9	INP331	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
399	Đồ án Nội thất tổng hợp	INP334	5	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
400	Đồ án Poster thương nghiệp	GPD321	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
401	Đồ án Poster Văn hóa - Xã hội - Chính trị	GPD324	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

402	Đồ án Quản lý và xử lý chất thải rắn	PMD325	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
403	Đồ án Quản trị chi phí xây dựng	PCC325	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
404	Đồ án Quản trị doanh nghiệp xây dựng	CCM312	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
405	Đồ án Quy hoạch	UPS319	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
406	Đồ án Quy hoạch giao thông đô thị	PUT330	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
407	Đồ án Thi công cầu	BCP317	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
408	Đồ án Thi công mặt đường	PCP315	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
409	Đồ án Thi công nền đường	ECP313	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
410	Đồ án Thiết kế cầu bê tông cốt thép	CBP307	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
411	Đồ án Thiết kế cầu thép	SBP311	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
412	Đồ án Thiết kế hình học và khảo sát đường ô tô	RDP303	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
413	Đồ án Thiết kế nền mặt đường	EPP305	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
414	Đồ án thiết kế nhanh 1	SDE315	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
415	Đồ án thiết kế nhanh 2	SDE316	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
416	Đồ án thiết kế nhanh 3	SDE317	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
417	Đồ án Thiết kế và thi công móng trụ cầu	DCP309	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
418	Đồ án Thoát nước đô thị	PUD320	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			

419	Đồ án Tổ chức giao thông công cộng	PPT333	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
420	Đồ án Tổng hợp	GPD325	5	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
421	Đồ án Truyện tranh minh họa	GPD323	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
422	Đồ họa sáng tác	GRO328	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
423	Đồ họa sự kiện	GRE329	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
424	Đồ họa Web	WEG315	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
425	Dự toán công trình	PCE343	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
426	Dự toán xây dựng	COE319	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
427	Flash	FLA327	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
428	Hành vi người tiêu dùng	CSB318	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
429	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	DDS301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
430	Hệ thống cấp thoát nước công trình	WSD332	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
431	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	GIS331	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
432	Hệ thống thông tin đo lường	MIS311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
433	Hệ thống thông tin kế toán	AIS310	3	Kế toán	Chuyên ngành			
434	Hoạt động ngoại khóa	EXA402	1	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
435	Học tập thực tế	PRL313	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
436	Học tập thực tế	PTL334	1	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
437	Kế hoạch và dự báo xây dựng	CPF316	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
438	Kế toán công ty	COA312	3	Kế toán	Chuyên ngành			
439	Kế toán doanh nghiệp thương mại - dịch vụ	ACS315	2	Kế toán	Chuyên ngành			
440	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	ACC316	2	Kế toán	Chuyên ngành			

441	Kế toán hành chính sự nghiệp	ANP317	2	Kế toán	Chuyên ngành			
442	Kế toán kho bạc	ACT319	2	Kế toán	Chuyên ngành			
443	Kế toán máy	ACS308	3	Kế toán	Chuyên ngành			
444	Kế toán ngân hàng	BAC313	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
445	Kế toán ngân hàng đại cương	BAC323	2	Kế toán	Chuyên ngành			
446	Kế toán quản trị	MNA307	3	Kế toán	Chuyên ngành			
447	Kế toán quản trị cơ bản	MNA308	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
448	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	FAC302	3	Kế toán	Chuyên ngành			
449	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	FAC303	3	Kế toán	Chuyên ngành			
450	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	FAC304	3	Kế toán	Chuyên ngành			
451	Kế toán thương mại - dịch vụ	ACS314	3	Kế toán	Chuyên ngành			
452	Kế toán xây dựng	ACC315	4	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
453	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	SRC320	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
454	Kết cấu công trình	BST233	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
455	Kết cấu công trình ngành Kiến trúc	BST232	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
456	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	RCB305	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
457	Kết cấu nhà thép	SBS307	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
458	Khóa luận tốt nghiệp	CGR404	8	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			

459	Khởi nghiệp	ETR312	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Tài chính - Ngân hàng Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			
460	Khởi sự kinh doanh	ETR310	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
461	Kiểm định cầu đường	CQA323	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
462	Kiểm định, gia cố và sửa chữa công trình giao thông	IRW337	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
463	Kiểm thử phần mềm	SOT301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
464	Kiểm toán căn bản	PAU326	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
465	Kiểm toán cơ bản	PAU306	3	Kế toán	Chuyên ngành			
466	Kiểm toán tài chính	FAU313	4	Kế toán	Chuyên ngành			
467	Kiến trúc cảnh quan	LAC309	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
468	Kiến trúc cảnh quan và cây xanh đô thị	LAG308	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
469	Kiến trúc công nghiệp	INA310	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
470	Kiến trúc dân dụng ngành Kiến trúc	CVA309	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
471	Kiến trúc dân dụng ngành Xây dựng	CAS339	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			

472	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp ngành Quy hoạch	CIA311	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
473	Kiến trúc đương đại	CAC337	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
474	Kiến trúc và môi trường	ARE336	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
475	Kiến trúc và văn hóa Phương Đông	OCA338	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
476	Kinh doanh xuất nhập khẩu	IEM315	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
477	Kinh tế bảo hiểm	ISE316	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
478	Kinh tế đầu tư	IES323	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
479	Kinh tế đầu tư và quản trị dự án	IEP308	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
480	Kinh tế du lịch	TRE323	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
481	Kinh tế môi trường	ENE333	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
482	Kinh tế ngành	ESE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
483	Kinh tế và quản lý đô thị	EUM332	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
484	Kinh tế xây dựng	CEC304	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
485	Kinh tế xây dựng chuyên ngành	CEC303	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
486	Kỹ năng viết nâng cao	ADW235	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
487	Kỹ thuật chiếu sáng	LIE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
488	Kỹ thuật điện lạnh	REE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
489	Kỹ thuật In	PRT310	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

490	Kỹ thuật lập trình	PRE301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
491	Kỹ thuật thi công	CTE309	3	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
492	Kỹ thuật thi công lắp ghép	BPT312	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
493	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí	VAE323	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
494	Kỹ thuật và tổ chức thi công	CTP331	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
495	Lập báo cáo tài chính	FRP309	2	Kế toán	Chuyên ngành			
496	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	HOV313	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
497	Lịch sử kiến trúc phương Tây	HWA312	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
498	Lịch sử thiết kế nội thất	HID320	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
499	Linux và phần mềm nguồn mở	LIO301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
500	Lý thuyết dịch	CTT354	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
501	Lý thuyết dịch	INT328	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
502	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	TOD314	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
503	Mạng điện đô thị	UPN321	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
504	Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA	ICN301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
505	Marketing du lịch	TMR327	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
506	Marketing ngân hàng	BMK315	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
507	Máy xây dựng	CMA316	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
508	Máy xây dựng và an toàn lao động	CMS316	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
509	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống điều khiển	MSC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			

510	Môi giới bất động sản	REB317	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
511	Môi trường trong xây dựng	EIC101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
512	Năng lượng tái tạo	REN311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
513	Ngân hàng trung ương	CEB306	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
514	Nghiên cứu chuyên đề	RET333	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
515	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	TOG331	4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
516	Nghiệp vụ khách sạn	HTO332	2	Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
517	Nghiệp vụ ngân quỹ	CAS301	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
518	Nghiệp vụ nhà hàng	REO332	4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
519	Nguyên lý kế toán	PAC301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
520	Nguyên lý thiết kế Đồ họa	PGD309	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
521	Nguyên lý thiết kế nội thất	IDP317	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
522	Nhập môn ngành xây dựng	ICE137	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
523	Nhập môn tài chính tiền tệ	MFT301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
524	Phần mềm Auto Cad	ACA201	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
525	Phần mềm Photoshop	PHO337	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
526	Phần mềm Sketchup	SKU336	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
527	Phân tích các mô hình quản lý trong xây dựng	MMC321	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
528	Phân tích hoạt động kinh doanh	ABU305	3	Kế toán	Chuyên ngành			

529	Phân tích hoạt động kinh tế	ABU325	2	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
530	Phân tích kiến trúc	APA335	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
531	Phân tích tài chính doanh nghiệp	FAL311	3	Kế toán	Chuyên ngành			
532	Phân tích tín dụng và cho vay	CLA309	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
533	Phát triển kỹ năng quản trị	DMS311	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
534	Phiên dịch 1	CIN301	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
535	Phiên dịch 1	INT301	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
536	Phiên dịch 2	CIN302	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
537	Phiên dịch 2	INT302	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
538	Phiên dịch 3	INT303	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
539	Phiên dịch du lịch	IFT367	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
540	Phong thủy trong kiến trúc đô thị	FSU325	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
541	Phong thủy trong kiến trúc nội thất	FSI342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
542	Phỏng vấn xin việc làm	JIN269	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
543	Quản lý chất lượng xây dựng	CQC310	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
544	Quản lý dự án	PRM301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
545	Quản lý dự án nội thất	IPM342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
546	Quản lý dự án xây dựng	CPM320	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			

547	Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị	MUI334	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
548	Quản lý nguồn nước	WRM327	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
549	Quản lý tài nguyên và môi trường	REM330	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
550	Quản lý và khai thác cầu đường	MAS326	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
551	Quản lý và xử lý chất thải rắn	MDS324	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
552	Quản lý và xử lý khí thải	MGT326	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
553	Quản trị bán hàng	SLM312	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
554	Quản trị chất lượng dịch vụ	SQM322	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
555	Quản trị chiến lược	STM306	3	Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			
556	Quản trị chuỗi cung ứng	SCM307	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
557	Quản trị cung ứng dịch vụ	SSM321	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
558	Quản trị danh mục đầu tư	PMA314	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
559	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	CCM311	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
560	Quản trị dự án đầu tư	IPM308	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
561	Quản trị hành chính văn phòng	AOM316	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
562	Quản trị hoạt động ngân hàng 1	BAM307	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
563	Quản trị hoạt động ngân hàng 2	BAM311	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			

564	Quản trị học	FMA301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
565	Quản trị kinh doanh lữ hành	TTM324	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
566	Quản trị kinh doanh lưu trú	HIM325	3	Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
567	Quản trị kinh doanh lưu trú	MHC301	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
568	Quản trị kinh doanh nhà hàng	FBM326	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
569	Quản trị kinh doanh nhà hàng	MRB302	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
570	Quản trị kinh doanh quốc tế	IBA313	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
571	Quản trị marketing	MKM304	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
572	Quản trị nguồn nhân lực	HRM302	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
573	Quản trị quan hệ khách hàng	CRM329	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
574	Quản trị sản xuất	PRM309	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
575	Quản trị sự thay đổi	CHM317	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
576	Quản trị tài chính	FIM303	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
577	Quy hoạch đô thị	UBP304	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
578	Quy hoạch du lịch di sản	HTP322	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
579	Quy hoạch giao thông đô thị	UTP328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
580	Tài chính công	PUF313	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
581	Tài chính doanh nghiệp 1	COF303	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
582	Tài chính doanh nghiệp 2	COF304	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			

583	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	CEF315	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
584	Tài chính quốc tế	INF304	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
585	Thẩm định dự án đầu tư	PAP319	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
586	Tham quan nhận thức	AWT314	1	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
587	Tham quan nhận thức	FTR404	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
588	Tham quan nhận thức	VIA337	1	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
589	Tham quan thực tế	ACV335	1	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
590	Tham quan thực tế	FTR401	1	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
591	Tham quan thực tế	FTR402	1	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
592	Tham quan thực tế	FTR441	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
593	Thanh quyết toán trong xây dựng	SCW322	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
594	Thanh toán quốc tế	INP311	2	Kế toán	Chuyên ngành			
595	Thi công cầu	BCO316	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
596	Thi công mặt đường	PCO314	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
597	Thi công nền đường	ECO312	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
598	Thi công nội thất	INC342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
599	Thí nghiệm công trình cầu đường	EXP321	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
600	Thí nghiệm công trình giao thông	EXP336	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
601	Thí nghiệm công trình xây dựng	STE318	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			

602	Thị trường chứng khoán	STM318	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
603	Thị trường và các định chế tài chính	FAI305	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
604	Thiết kế cầu bê tông cốt thép	CBD306	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
605	Thiết kế cầu thép	SBD310	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
606	Thiết kế điện dân dụng và công nghiệp	CED301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
607	Thiết kế đô thị ngành Kiến trúc	UBD307	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
608	Thiết kế Đồ trang trí Nội thất	IDD338	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
609	Thiết kế đường đô thị	URD334	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
610	Thiết kế hình học và khảo sát đường Ôtô	RDE302	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
611	Thiết kế mạch điện tử	ECD301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
612	Thiết kế nền mặt đường	EPD304	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
613	Thiết kế và thi công mố trụ cầu	DCB308	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
614	Thoát nước đô thị	UDR319	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
615	Thông kê doanh nghiệp xây dựng	SCB314	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
616	Thực hành Điện tử ứng dụng	APE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
617	Thực hành Điều khiển Điện – Khí nén	EPC302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
618	Thực hành Điều khiển lập trình PLC	PLC302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
619	Thực hành hướng dẫn du lịch	TOP305	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			

620	Thực hành phiên dịch nâng cao	AIN341	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
621	Thực hành thí nghiệm công trình giao thông	EXP339	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
622	Thực hành Thiết kế mạch điện tử	ECD302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
623	Thực hành Trang bị điện	ELI302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
624	Thực hành Vi điều khiển	MCO303	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
625	Thực tập công nhân	INT313	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
626	Thực tập công nhân	IWO336	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
627	Thực tập công nhân	TEP420	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
628	Thực tập công nhân	TPR425	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
629	Thực tập công nhân	WTP403	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
630	Thực tập địa chất công trình	EGP401	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
631	Thực tập nhận thức	FIT421	1	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
632	Thực tập nhận thức	FTR426	1	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
633	Thực tập tốt nghiệp	CRP404	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
634	Thực tập tốt nghiệp	INP431	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
635	Thực tập trắc địa	SUP402	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
636	Thương mại điện tử	ECO301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
637	Thương mại điện tử	ECO320	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			

638	Thủy văn	HYD301	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
639	Tiếng Anh chuyên ngành cầu đường	ECO309	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
640	Tiếng Anh chuyên ngành Đồ họa	EGD304	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
641	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	EAC301	2	Kế toán	Chuyên ngành			
642	Tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng	EBK303	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
643	Tiếng Anh chuyên ngành Nội thất	EID306	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
644	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	EBA302	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
645	Tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng	ECO308	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
646	Tiếng Anh du lịch 1	EFT301	2	Tiếng Anh du lịch Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
647	Tiếng Anh du lịch 2	EFT302	2	Tiếng Anh du lịch Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			
648	Tiếng Anh Du lịch nâng cao	EFT305	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
649	Tiếng Anh khách sạn	EHC303	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
650	Tiếng Anh nhà hàng	EFR304	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
651	Tiếng Trung tổng hợp 1	CGE301	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
652	Tiếng Trung tổng hợp 2	CGE302	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
653	Tiếng Trung Tổng hợp 3	CGE303	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
654	Tiếng Trung Tổng hợp 4	CGE304	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			

655	Tiếng Trung Tổng hợp 5	CGE305	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
656	Tiếng Trung Tổng hợp 6	CGE306	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
657	Tiếng Trung Tổng hợp 7	CGE307	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
658	Tiếng Việt	VIE107	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
659	Tín dụng và thanh toán quốc tế	INP310	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
660	Tin học ứng dụng thiết kế cầu	AIB320	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
661	Tin học ứng dụng thiết kế đường	AIR319	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
662	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật xây dựng	AIE335	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
663	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	AIN316	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
664	Tin học ứng dụng trong xây dựng	ITC317	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
665	Tổ chức giao thông công cộng	PTO331	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
666	Tổ chức lễ hội và sự kiện	FEO328	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
667	Tổ chức thi công	CPS313	3	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
668	Toán tài chính	FIM308	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
669	Trang bị điện	ELI301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
670	Trang thiết bị công trình	ITE341	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
671	Trang trí chuyên ngành	SPD311	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
672	Tự động hóa quá trình sản xuất	APP311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			

673	Tuyên điểm du lịch	TRD333	2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
674	Ứng dụng Revit trong xây dựng	ARC330	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
675	Vật liệu mới trong xây dựng Cầu Đường	NMA322	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
676	Vật liệu nội thất	INM321	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
677	Vật liệu tái chế	REM345	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
678	Vật liệu và kết cấu hiện đại	MMS334	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
679	Vật liệu và thi công công trình quảng cáo	MCA312	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
680	Vi điều khiển	MCO301	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
681	Xã hội học đô thị	URS327	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
682	Xu hướng thiết kế Kiến trúc nội thất	IOC343	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
683	Xử lý chất liệu	MAH330	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
684	Đồ án tốt nghiệp	CAP430	12	Quy hoạch vùng và Đô thị	Tốt nghiệp			
685	Đồ án tốt nghiệp	CAP432	12	Thiết kế đồ họa	Tốt nghiệp			
686	Đồ án tốt nghiệp	CAP443	12	Kiến trúc	Tốt nghiệp			
687	Đồ án tốt nghiệp	CAP449	12	Thiết kế nội thất	Tốt nghiệp			
688	Đồ án tốt nghiệp	FIP401	10	Công nghệ thông tin	Tốt nghiệp			
689	Đồ án tốt nghiệp	GPR429	10	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
690	Đồ án tốt nghiệp	GPR430	6	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
691	Đồ án tốt nghiệp	GRP409	10	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Tốt nghiệp			
692	Đồ án tốt nghiệp	PGR406	10	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tốt nghiệp			
693	Đồ án tốt nghiệp	PGR439	10	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Tốt nghiệp			
694	Đồ án tốt nghiệp	THE423	10	Quản lý xây dựng	Tốt nghiệp			
695	Khóa luận tốt nghiệp	GRA401	6	Tài chính - Ngân hàng	Tốt nghiệp			
696	Khóa luận tốt nghiệp	GRA402	6	Kế toán	Tốt nghiệp			

697	Khóa luận tốt nghiệp	GRA403	6	Quản trị kinh doanh	Tốt nghiệp			
698	Khóa luận tốt nghiệp	GRA404	8	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
699	Khóa luận tốt nghiệp	GRA408	6	Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			
700	Thực tập nhận thức	COP402	1	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
701	Thực tập nhận thức	COP403	1	Ngôn ngữ Trung quốc	Tốt nghiệp			
702	Thực tập tốt nghiệp	GTP405	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tốt nghiệp			
703	Thực tập tốt nghiệp	ARP442	2	Kiến trúc	Tốt nghiệp			
704	Thực tập tốt nghiệp	GIN427	4	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
705	Thực tập tốt nghiệp	GPR438	4	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Tốt nghiệp			
706	Thực tập tốt nghiệp	GRP401	4	Tài chính - Ngân hàng	Tốt nghiệp			
707	Thực tập tốt nghiệp	GRP402	4	Kê toán	Tốt nghiệp			
708	Thực tập tốt nghiệp	GRP403	4	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			
709	Thực tập tốt nghiệp	GRP404	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
710	Thực tập tốt nghiệp	GRP408	4	Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			
711	Thực tập tốt nghiệp	GRP446	2	Thiết kế nội thất	Tốt nghiệp			
712	Thực tập tốt nghiệp	INT401	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Tốt nghiệp			
713	Thực tập tốt nghiệp	INT402	4	Công nghệ thông tin	Tốt nghiệp			
714	Thực tập tốt nghiệp	INT422	4	Quản lý xây dựng	Tốt nghiệp			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1		2021	Nền và móng, Hướng dẫn đồ án nền và móng - TS. Nguyễn Phương Ngọc
2	Giáo trình “Marketing căn bản” - ThS. Đỗ Thị Thủy, ThS. Lê Thị Quỳnh Anh, ThS. Mai Thị Thảo Chi	2020	
3	Giáo trình lý luận về nhà nước pháp quyền - TS. Lê Văn Thao, NGUT.PGS.TS Nguyễn Hữu Ái	2019	
4	Hình học họa hình Tập 1 (Lý thuyết – bài tập có hướng dẫn và bài giải) - TS. Nguyễn Tư Đôn - Nxb GDVN	2013	
5	Bài tập kinh tế vi mô - ThS. Nguyễn Thị Đà, ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Trương Hồng Trình - Xnb Tài chính	2010	
6	Giáo trình Kinh tế vi mô - PGS. Lê Thế giới (cb), ThS. Nguyễn Thị Đà - Xnb Tài chính	2010	
7	Ngân hàng Trung Ương - ThS. Lê Thị Minh Hương	2018	
8	Kế toán quốc tế - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2018	
9	Quản trị chất lượng dịch vụ - ThS. Mai Thị Thảo Chi	2018	
10	Quản trị hoạt động ngân hàng 1 - ThS. Vũ Hoàng Vy	2018	
11	Quản trị kinh doanh lưu trú - ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	2018	
12	Cơ sở dữ liệu - ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	2018	
13	Toán rời rạc - ThS. Triệu Thị Vy Vy	2017	
14	Lập trình Java cơ bản - ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	2017	
15	Quản trị cung ứng dịch vụ - ThS. Trần Thị Hải	2017	
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam - Nguyễn Xuân Hiệp	2017	
17	Thuế và báo cáo thuế - Phạm Thị Bích Vân	2017	
18	Lập trình hướng đối tượng - Đỗ Phúc Hào	2017	

19	Phát triển kỹ năng quản trị - Lê Thị Quỳnh Anh	2017	
20	Quản trị tài chính - ThS. Trần Thị Hải	2017	
21	Toán tài chính - ThS. Nguyễn Thị Nga My	2017	
22	Lý thuyết kiến trúc cảnh quan - TS. Nguyễn Ngọc Nương	2017	
23	Tổ chức lễ hội và sự kiện - ThS. Đỗ Thị Thủy	2017	
24	Kinh doanh xuất nhập khẩu - ThS. Trần Thị Hải	2016	
25	Lập báo cáo tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2016	
26	Kế toán ngân hàng - ThS. Lê Thị Minh Hương	2016	
27	Lập báo cáo tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2016	
28	Nhập môn tài chính - Tiên tộ - Phan Nguyên Thùy Trâm	2016	
29	Kế toán ngân hàng - Nguyễn Thị Ngọc	2016	
30	Ngân hàng Trung Ương - ThS. Trần Ngọc Minh Trang	2016	
31	Nguyên lý thống kê kinh tế - ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	2016	
32	Tiếng Trung tổng hợp - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2016	
33	Chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc - Nghe 2 - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2016	
34	Tiếng Trung tổng hợp II - ThS. Phạm Chu Uyên	2016	
35	Đồ án kết cấu nhà thép - Dương Thanh Huyền	2016	
36	Nguyên lý kế toán - ThS. Phan Thị Thu Hà	2016	
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học -ThS. Trần Thị Yên Vinh	2016	
38	Lịch sử văn minh phương Tây – ThS. Đặng Thị Phượng	2016	
39	Phân tích tài chính doanh nghiệp - ThS. Trần Phụng Trân	2016	
40	Kế toán tài chính 1 - Nguyễn Thị Thanh Phương	2016	
41	Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị - Dương Văn Hoàng	2016	
42	Nói II - ThS. Phạm Chu Uyên	2016	
43	Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị - KTS. Dương Văn Hoàng	2016	
44	Quản trị Marketing - Đỗ Thị Thủy	2016	
45	Kế toán máy - Huỳnh Thị Trang	2016	

46	Kết cấu bê tông cốt thép - ThS. Nguyễn Quang Thịnh	2016	
47	Tài chính doanh nghiệp - ThS. Nguyễn Hồng Diệu Hương	2016	
48	Hệ thống thông tin kế toán - ThS. Lê Thị Cẩm Giang	2016	
49	Cấu tạo kiến trúc 2 - ThS. KTS Nguyễn Quang Bảo	2016	
50	Thị trường chứng khoán - ThS. Vũ Hoàng Vy	2016	
51	Kế toán quản trị - ThS. Lâm Xuân Đào	2016	
52	Thị trường chứng khoán - ThS. Vũ Hoàng Vy	2016	
53	Translation theory - M.A Trần Thị Thu Hương	2016	
54	Dự toán xây dựng	2016	
55	Ngôn ngữ lập trình C - ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	2016	
56	Thị trường chứng khoán - ThS. Phan Thoại Chiêu	2016	
57	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Trần Thị Ngọc Thương	2015	
58	Quy hoạch du lịch di sản - ThS.KTS. Nguyễn Lê Ngọc Thanh	2015	
59	Kết cấu bê tông cốt thép 1 - Nguyễn Quang Thịnh	2015	
60	Thuế và báo thuế - Nguyễn Xuân Hiệp	2015	
61	Hệ thống thông tin kế toán - ThS. Lê Thị Cẩm Giang	2015	
62	Research Methods - Bạch Quốc Hưng	2015	
63	Kiến trúc dân dụng - KTS. Phan Hoàng Trọng	2015	
64	Kỹ thuật thi công - TS. Nguyễn Hải Hoàn	2015	
65	Sức bền vật liệu 2 - Ngô Thị Kiều Linh	2015	
66	Thủy văn - Nguyễn Văn Hòa	2015	
67	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - Ngô Thị Thu Trang	2015	
68	Quản trị học - CN. Ngô Lê Uyên	2015	
69	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (quyển 1) - ThS. Phạm Minh Phương	2015	
70	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (quyển 2) - ThS. Phạm Minh Phương	2015	
71	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Trần Thị Ngọc Thương	2015	

72	Thiết kế đô thị - ThS. KTS. Phan Trần Kiều Trang	2015	
73	Kiểm toán tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2015	
74	Quản trị hành chính văn phòng -ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	2015	
75	Hình học họa hình 1 - ThS. Lê Xuân Hòa	2015	
76	Phát triển kỹ năng quản trị - ThS. Lưu Khánh Hiền	2015	
77	Kinh tế vi mô - CN.Lê Thị Kim Ngân	2015	
78	Kinh tế bảo hiểm - Lê Thị Minh Tâm	2015	
79	A thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of fine arts program in visual arts at Mahasarakham University 2015 - Đặng Thị Phương	2015	
80	A thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of fine arts program in visual arts at Mahasarakham University 2015 - Nguyễn Văn Quốc Tuấn	2015	
81	Marketing căn bản - ThS. Lưu Cẩm Trúc	2015	
82	Kiểm toán cơ bản - ThS. Phạm Thị Minh Phương	2015	
83	Thị trường và các định chế tài chính - ThS. Ngô Đức Chiến	2015	
84	Tổ chức thi công và đồ án tổ chức thi công - KS. Nguyễn Thái Minh Tiên	2015	
85	Hình học họa hình 1 (hình chiếu vuông góc) - KTS. Ngô Tú	2015	
86	Hình chiếu phối cảnh - CN. Lê Thị Thùy Dung	2015	
87	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3 - Nguyễn Thị Hà My	2015	
88	Tài chính quốc tế - ThS. Vũ Hoàng Vy	2015	
89	Kỹ năng mềm - ThS. Lưu Khánh Hiền	2015	
90	Lập báo cáo tài chính -ThS. Phạm Thị Bích Vân	2015	
91	Kinh tế vĩ mô - Nguyễn Thị Kim Liên	2015	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

- Trình độ đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ: Không

- Trình độ đào tạo Đại học:

STT	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Tên đề tài	Nội dung tóm tắt
1	Kiều Thị Linh Giang	ThS. Bạch Quốc Hưng	An investigation into perception formulated by third-year english majored students on listening-speaking courses at Danang Architecture University	Nghiên cứu đã điều tra nhận thức của 50 sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ Tiếng Anh về các học phần Nghe-Nói tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định lượng (bảng câu hỏi) và định tính (phỏng vấn) để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng những khía cạnh của học phần Nghe-Nói được sinh viên đánh giá tích cực. Ngoài ra, sinh viên cũng có những đề xuất để cải tiến các học phần này.
2	Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS. Nguyễn Thị Mai Khôi	The effects of online learning on third-year students and teachers of foreign language department of Danang Architecture University during the covid-pandemic	Nghiên cứu đã điều tra 150 sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh về những tác động của việc học online. Đồng thời, nghiên cứu cũng thu thập ý kiến của giảng viên trong khoa Ngoại ngữ, bộ môn tiếng Anh về việc dạy trực tuyến. Nghiên cứu sử dụng phương pháp bảng câu hỏi để thu thập dữ liệu. Kết quả nghiên cứu đưa ra những ảnh hưởng tích cực của việc dạy và học online cũng như các nhược điểm của hình thức này. Sinh viên đã đưa ra các đề xuất để cải thiện phương pháp học trực tuyến để mang lại lợi ích.
3	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ThS. Khắc Thị Ngọc Thương	A study on speaking strategies of last year english majored students at Danang Architecture University	Nghiên cứu đã điều tra các chiến lược nói mà 50 sinh viên chuyên ngữ tại trường Đại học Kiến Trúc đã sử dụng, những thuận lợi và khó khăn gặp phải trong khi áp dụng các chiến lược đó, đồng thời đề xuất các giải pháp có tính hiệu quả để khắc phục những khó khăn trong khi áp dụng các chiến lược.
4	Phan Thị Diễm Hằng	ThS. Khắc Thị Ngọc Thương	A study on speaking strategies of last year	Nghiên cứu đã điều tra các chiến lược nói mà 50 sinh viên chuyên ngữ tại trường Đại học Kiến Trúc đã sử

			english majored students at Danang Architecture University	dụng, những thuận lợi và khó khăn gặp phải trong khi áp dụng các chiến lược đó, đồng thời đề xuất các giải pháp có tính hiệu quả để khắc phục những khó khăn trong khi áp dụng các chiến lược.
5	Tạ Quang Linh	ThS. Đặng Thị Thanh Trân	An investigation into the difficulties in taking role play in english classes encountered by the english for tourism majored students at Danang Architecture University	Luận văn tập trung điều tra về những khó khăn mà 105 sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch của khóa 17 và khóa 18- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, gặp phải khi tham gia vào hoạt động đóng vai trong các giờ học Tiếng Anh ở Trường. Nghiên cứu đã sử dụng kết hợp cả hai phương pháp định lượng và định tính để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ những khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi tham gia đóng vai trong các giờ học tiếng Anh. Ngoài ra, người nghiên cứu cũng đưa ra những đề xuất về phía người học và người dạy nhằm giúp sinh viên khắc phục những khó khăn này- góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Du lịch của Trường.
6	Nguyễn Thị Trà Mi	ThS. Đặng Thị Thanh Trân	An investigation into the difficulties in taking role play in english classes encountered by the english for tourism majored students at Danang Architecture University	Luận văn tập trung điều tra về những khó khăn mà 105 sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch của khóa 17 và khóa 18- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, gặp phải khi tham gia vào hoạt động đóng vai trong các giờ học Tiếng Anh ở Trường. Nghiên cứu đã sử dụng kết hợp cả hai phương pháp định lượng và định tính để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ những khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi tham gia đóng vai trong các giờ học tiếng Anh. Ngoài ra, người nghiên cứu cũng đưa ra những đề xuất về phía người học và người dạy nhằm giúp sinh viên khắc phục những khó khăn này- góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Du lịch của Trường.
7	Tổng Khánh Vy	ThS. Đoàn Thị Uyên	An investigation into common pronunciation mistakes faced by	Nghiên cứu các lỗi phát âm phổ biến của sinh viên năm 2 chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định tính

			second-year english majored students at Danang Architecture University	(phỏng vấn) và định lượng (bảng câu hỏi) với 60 sinh viên tại trường để thu thập dữ liệu. Kết quả nghiên cứu đã thống kê được những lỗi sai phổ biến nhất, xác định được những nguyên nhân dẫn đến việc sai phát âm, và đưa ra các giải pháp khắc phục các lỗi sai này trong thực tiễn.
8	Trần Ngọc Phước	ThS. Đoàn Thị Uyên	An investigation into common pronunciation mistakes faced by second-year english majored students at Danang Architecture University	Nghiên cứu các lỗi phát âm phổ biến của sinh viên năm 2 chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp định tính (phỏng vấn) và định lượng (bảng câu hỏi) với 60 sinh viên tại trường để thu thập dữ liệu. Kết quả nghiên cứu đã thống kê được những lỗi sai phổ biến nhất, xác định được những nguyên nhân dẫn đến việc sai phát âm, và đưa ra các giải pháp khắc phục các lỗi sai này trong thực tiễn.
9	Nguyễn Tạ Hữu Thịnh	PGS. TS Trần Mạnh Huy	Hệ thống quản lý thông tin người khuyết tật	Xây dựng website quản lý thông tin người khuyết tật của Bộ Y tế. Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hỗ trợ và giải quyết việc làm cho người khuyết tật.
10	Nguyễn Văn Rô	PGS. TS Trần Mạnh Huy	Hệ thống quản lý thông tin người khuyết tật	Xây dựng website quản lý thông tin người khuyết tật của Bộ Y tế. Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hỗ trợ và giải quyết việc làm cho người khuyết tật.
11	Dương Bảo Thu	ThS. Bùi Trung Úy	Xây dựng ứng dụng xem phim trực tuyến trên nền tảng Android	App Android có chức năng upload phim và xem phim
12	Đoàn Quân Hồng	ThS. Bùi Trung Úy	Ứng dụng theo dõi Covid realtime thông qua SMS	App mobile đăng tin thông báo và nhận tin theo thời gian đặt trước
13	Phan Thanh Thế	ThS. Bùi Trung Úy	Xây dựng hệ thống đặt thức ăn nhanh trên nền tảng Adroid	Sử dụng ngôn ngữ Java, xây dựng app Android có chức năng: quản lý bán hàng, đặt hàng,,,,
14	Trần Minh Tiến	ThS. Bùi Trung Úy	Ứng dụng quản lý công việc tích hợp tracking thời gian sử dụng App	Xây dựng app Android có giao diện thân thiện nhằm phân công công việc và quản lý tiến độ công việc của các thành viên trong dự án

			trên nền tảng android	
15	Trần Văn Quý	ThS. Đỗ Phúc Hào	Nghiên cứu Power Pi và xây dựng Dashboard cho doanh nghiệp	Nghiên cứu công cụ có sẵn Microsoft Power BI để xây dựng một bảng báo cáo dữ liệu trực quan cho doanh nghiệp
16	Nguyễn Thành Luân	ThS. Đỗ Phúc Hào	Xây dựng Website hỗ trợ gợi ý bán hàng	Xây dựng website trên công nghệ HTML, CSS,PHP, nhằm mục đích bán hàng công nghệ có chức năng: giỏ hàng, thanh toán, gợi ý các mặt hàng có giá tương đương,..
17	Trần Thiện Chí	ThS. Đỗ Phúc Hào	Nghiên cứu kiến trúc mạng trong học sâu và xây dựng hệ thống hỗ trợ tìm kiếm bằng hình ảnh	Nghiên cứu mô hình học sâu, ứng dụng nhận dạng và phân loại hình ảnh trang phục.
18	Nguyễn Quốc Việt	ThS. Đỗ Thị Thu Hà	Xây dựng Website cẩm nang du lịch Đà Nẵng	Website có giao diện đẹp, thân thiện có chức năng giới thiệu các địa điểm du lịch tại Đà Nẵng, người dùng lưu lại các địa điểm ưa thích.
19	Võ Văn Tú	ThS. Đỗ Thị Thu Hà	Xây dựng Website bán hàng điện tử	Xây dựng website thương mại điện tử bán các mặt hàng công nghệ.
20	Phạm Thanh Quân	ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến	Xây dựng hệ thống thi trắc nghiệm online có quản lý giáo viên, môn học, đề thi, sinh viên, chấm điểm
21	Nguyễn Đức Cường	ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	Xây dựng website mua bán bất động sản tại công ty Thành Tâm	Website dùng cho công ty bất động sản Thành Tâm có chức năng đăng tin và theo dõi biến động giá của bất động sản.
22	Bùi Vĩnh Khải	ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	Nghiên cứu công nghệ React native, xây dựng app Android quản lý đồ uống	Xây dựng app Android quản lý đồ uống cho một cửa hàng quy mô nhỏ lẻ có chức năng: quản lý bàn, quản lý order, quản lý nhân viên.
23	Phạm Trọng Mạnh	ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	Nghiên cứu ngôn ngữ PHP, xây dựng website bán sách trực tuyến	Xây dựng website bán sách trực tuyến có các chức năng cơ bản sau: đăng nhập, đăng xuất, xem sản phẩm, đặt hàng,... Sử dụng ngôn ngữ HTML,CSS,Javascript, PHP, hệ quản trị CSDL MySQL

24	Võ Văn Sơn	ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	Nghiên cứu WPF và xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng tại siêu thị mini	Thiết kế giao diện trên công nghệ WPF, xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng chạy trên Windows.
25	Hồ Xuân Dần	ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	Xây dựng Website quản lý nhà xe Hoàng Hải	Hệ thống online dùng quản lý nhà xe Hoàng Hải.
26	Lê Thị Thúy Vi	ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	Quản lý thư viện thị trấn Hòa Vinh	Ứng dụng quản lý thư viện thị trấn Hòa Vinh được viết bằng C#, cơ sở dữ liệu SQL Server.
27	Phan Văn Tài	ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	Báo cáo ứng dụng IOT xây dựng hệ thống thông minh hỗ trợ bãi giữ xe trong công ty Fanmedia	Xây dựng công cụ phần cứng dùng quản lý chỗ trống trong bãi đỗ xe trong công ty Fanmedia
28	Trần Thành Sơn	ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	Xây dựng website bán hàng cho E-Shopper Shop	Xây dựng website thương mại điện tử, ứng dụng framework Laravel
29	Từ Tấn Vinh	ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	Xây dựng trang web bán hàng điện tử bằng laravel	Thiết kế trang web phù hợp với thị hiếu người dùng, người quản trị dễ dàng sử dụng. Sử dụng công cụ Bootstrap, Framework Laravel.
30	Lê Đình Thiện	ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	Shop bán hàng Laravel	Xây dựng website thương mại điện tử, ứng dụng framework Laravel
31	Văn Anh Văn	ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	Website bán đồng hồ bằng Laravel framework	Xây dựng website thương mại điện tử, ứng dụng framework Laravel
32	Hồ Anh Nhật	ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	Xây dựng website bán hàng linh kiện máy tính, điện tử bằng Laravel	Xây dựng website thương mại điện tử, ứng dụng framework Laravel
33	Đoàn Xuân Lộc	ThS. Phạm Thị Dung	Nghiên cứu Graphhopper xây dựng tìm đường đi ngắn nhất giữa 2 điểm tại thành phố Đà Nẵng	Nghiên cứu công cụ Graphhopper, và thuật toán Haversine tìm đường đi ngắn nhất giữa 2 điểm tại thành phố Đà Nẵng
34	Nguyễn Thanh Long	ThS. Phạm Thị Dung	Xây dựng website thi trắc nghiệm online trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Xây dựng website trên công nghệ HTML, CSS,PHP, MySQL, framework Laravel

35	Đỗ Văn Việt	ThS. Phạm Thị Dung	Xây dựng chương trình hỗ trợ theo dõi kết quả học tập sinh viên	App Adroid dành cho giáo viên và sinh viên có chức năng xem lịch học, xem điểm,....
36	Bùi Minh Châu	Th.S Nguyễn Thị Minh Lý	Giải pháp mở rộng cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	Nêu ra cơ sở lý luận về mở rộng cho vay tiêu dùng của ngân hàng thương mại. Phân tích thực trạng hoạt động cho vay hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Đà Nẵng. Từ đó, đưa ra các giải pháp mở rộng hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Đà Nẵng.
37	Phương Thị Gia Lệ	Th.S Vũ Hoàng Vy	Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay chuyển nhượng Bất động sản tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2020 - 2022	Đề cập đến các lý luận cơ bản tổng quan về tín dụng NH và chất lượng tín dụng NH như khái niệm, bản chất, vai trò, ý nghĩa và đề cập đến những tiêu chí để đánh giá chất lượng tín dụng bao gồm các tiêu chí về định tính và định lượng, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của NHTM. Phân tích tình hình huy động vốn và cho vay, chất lượng cho vay chuyển nhượng BĐS của ngân hàng TMCP Đông Nam Á đã được các chỉ tiêu đánh giá hoạt động cho vay chuyển nhượng BĐS: doanh số cho vay, doanh số thu nợ,... Qua đó khóa luận đã bước đầu đưa ra những đánh giá, nhận định về kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế, cũng như nguyên nhân của những hạn chế đó. Từ đó, đưa ra những giải pháp dựa trên định hướng và những mục tiêu hoạt động của ngân hàng trong những năm tới nhằm nâng cao chất lượng cho vay chuyển nhượng BĐS tại ngân hàng.
38	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Th.S Phan Thoại Chiêu	Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Lê Duẩn	Hệ thống hoá vấn đề lý luận cơ bản về NHTM và hoạt động huy động vốn. Phân tích, đánh giá thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á - PGD Lê Duẩn giai đoạn 2017 - 2019. Đưa ra những kết quả đạt được cũng như hạn chế trong hoạt động huy động huy động vốn. Từ đó, đưa ra giải pháp đối với Ngân hàng Nam Á - PGD Lê Duẩn nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn.

39	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Th.S Trần Ngọc Minh Trang	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina - Chi nhánh Hội An	Phân tích cơ sở lý luận căn bản trong cho vay DNNVV của ngân hàng thương mại. Phân tích chỉ tiêu đo lường, nhân tố ảnh hưởng tới đẩy mạnh hoạt động cho vay DNNVV. Phân tích thực trạng hoạt động cho vay đối với DNNVV tại NH Indovina - CN Hội An. Từ đó, đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với DNNVV tại NH Indovina - CN Hội An
40	Trần Thị Thúy Vi	Th.S Ngô Đức Chiến	Giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina - Chi nhánh Hội An	Đưa ra tổng quan về dịch vụ ngân hàng điện tử, phân tích thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng TNHH INDOVINA - chi nhánh Hội An. Từ đó đưa ra phương hướng và giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hội An.
41	Đoàn Thị Thu Sương	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Hoàn thiện công tác đấu thầu qua mạng của Công ty Cổ phần Xây dựng QUACO	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác đấu thầu; hồ sơ mời thầu; nhân viên kinh doanh; nghiên cứu thực trạng đấu thầu tại Phòng kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng QUACO, từ đó tác giả đánh giá được thành tựu - thuận lợi - khó khăn và các hạn chế trong công tác đấu thầu qua mạng, đề xuất các kiến nghị và hoàn thiện công tác đấu thầu qua mạng tại đây.
42	Nguyễn Lê Hoàng Anh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Hoàn thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng của Sale OTA tại khách sạn Mường Thanh Luxury Sông Hàn	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về khách hàng, chăm sóc khách hàng, nhân viên chăm sóc khách hàng; nghiên cứu thực trạng hoạt động chăm sóc khách hàng tại khách sạn Mường Thanh Luxury Sông Hàn, từ đó tác giả đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác chăm sóc khách hàng, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại đây.
43	Nguyễn Việt Anh Đức	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Hoàn thiện công tác tuyển dụng và đào tạo tại công ty TNHH DFB Media	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác tuyển dụng và đào tạo; nhân viên kinh doanh; nghiên cứu thực trạng công tác Quản trị lực lượng bán hàng tại phòng Kinh doanh, từ đó tác giả đánh giá được thành tựu - thuận lợi - khó khăn và các hạn chế trong công tác tuyển dụng và đào tạo đề xuất các kiến nghị và hoàn thiện công tác

				tuyên dụng và đào tạo tại đây.
44	Nguyễn Quốc Khánh	ThS. Đỗ Thị Thùy	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tại công ty cổ phần đầu tư phát triển Thịnh Thịnh Gia	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thịnh Thịnh Gia, thông qua đó đánh giá được ưu điểm, hạn chế còn tồn tại, đưa ra đề xuất kiến nghị hoàn thiện công tác quảng cáo tại công ty.
45	Hoàng Văn Quý	ThS. Đỗ Thị Thùy	Hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng tại công ty TNHH xây dựng và đầu tư HighDoor.	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thực trạng công tác chăm sóc khách hàng tại công ty, từ đó đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế của công tác chăm sóc khách hàng tại công ty, đề xuất kiến nghị hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng tại công ty TNHH xây dựng và đầu tư HighDoor.
46	Lương Anh Vũ	ThS. Đỗ Thị Thùy	Hoàn thiện chính sách quản trị quan hệ khách hàng tại công ty sản xuất-thương mại- dịch vụ Ba Quảng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về marketing, marketing online, các hình thức marketing online, nghiên cứu thực trạng hoạt động marketing trực tuyến tại công ty, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế của hoạt động marketing trực tuyến tại công ty, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động marketing trực tuyến của công ty.
47	Lê Minh Tuyết Hồng	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động marketing trực tuyến tại công ty Cổ phần Jobkey	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về marketing, marketing online, các hình thức marketing online, nghiên cứu thực trạng hoạt động marketing trực tuyến tại công ty, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế của hoạt động marketing trực tuyến tại công ty, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động marketing trực tuyến của công ty.
48	Võ Thị Kiều Oanh	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Hoàn thiện quy trình bán hàng tại Showroom Quang Nguyễn Furniture - Công ty CP TVXD &	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về quy trình bán hàng, nghiên cứu thực trạng quy trình bán hàng tại công ty, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế của quy trình bán hàng tại công ty, đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy

			ĐT Quang Nguyễn	trình bán hàng tại công ty.
49	Võ Thị Anh Trinh	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Hoàn thiện chính sách truyền thông cổ động tại Công ty TNHH PLC WINDOW	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động truyền thông cổ động; Nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động của công ty, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác truyền thông cổ động, đề xuất kiến nghị hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty.
50	Nguyễn Văn Lộc	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua cà phê hạt của khách hàng tại công ty TNHH sản xuất - thương mại & dịch vụ cà phê Đồng Xanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	khóa luận hệ thống hóa lý luận quyết định mua cà phê hạt của khách hàng, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua cà phê hạt của khách hàng tại công ty TNHH sản xuất, thương mại & dịch vụ cà phê Đồng Xanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó đưa ra các yếu tố ảnh hưởng, thu thập dữ liệu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi khảo sát khách hàng đang sử dụng cà phê hạt của công ty và phân tích đưa ra mức độ ảnh hưởng của các yếu tố => đề xuất giải pháp nhằm thu hút khách hàng mua cà phê hạt của công ty.
51	Trần Thị Linh	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quảng cáo cho sản phẩm mới "Thịt heo ướp gia vị" của Chi nhánh Công ty Cổ phần Việt Nam kỹ nghệ súc sản Visan Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động quảng cáo cho sản phẩm mới "Thịt heo ướp gia vị", đánh giá thực trạng hoạt động quảng cáo cho sản phẩm mới tại Chi nhánh Vissan Đà Nẵng. Ưu điểm: Quảng cáo thông qua báo chí của Công ty - những người nội trợ gia đình dễ giới thiệu sản phẩm, tăng được độ nhận biết về hình ảnh, thương hiệu; Khách hàng tới dùng thử hài lòng về sản phẩm; Hoạt động quảng cáo truyền miệng, chi phí thấp, thời gian linh hoạt, được tổ chức vào những địa điểm đông người như chợ, tòa nhà,.. Hạn chế: Tần suất quảng cáo không mang lại cao; Lướt tương tác qua bài đăng <10; Bao bì màu đỏ che kín sản phẩm bên trong; Chương trình dùng thử sản phẩm không thu hút được nhiều khách hàng. Kiến nghị: - Điều chỉnh quảng cáo qua truyền hình;

				- Tăng cường chức năng quảng cáo qua Internet; -Quảng cáo qua thùng xe lưu động; - Quảng cáo qua bao bì.
52	Hồ Mạnh Chiến	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo lực lượng công tác viên tư vấn tài chính tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phạm Gia An Thịnh	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về hoạt động đào tạo công tác viên tư vấn tài chính của Phạm Gia An Thịnh, qua đó tìm ra được những ưu điểm và những mặt hạn chế. Từ những hạn chế, nội dung của khoá luận cũng đưa ra những phương hướng khắc phục nhằm mục đích đem lại sự hoàn thiện trong công tác đào tạo tại công ty Phạm Gia An Thịnh.
53	Hoàng Anh Tú	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH xây dựng và đầu tư HIGHDOOR	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động bán hàng, nội dung hoạt động bán hàng; nghiên cứu thực trạng hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư HighDoor. Thành tựu: Đạt được mục tiêu doanh số; chiếm được một ít thị phần tại TP Đà Nẵng; Hạn chế: Phân tích thị trường chưa đánh trúng trọng tâm khách hàng, nguồn nhân lực hạn chế, hoạt động bán hàng chưa hiệu quả. Kiến nghị:- Xây dựng hoạt động nghiên cứu thị trường; Tăng cường hoạt động xúc tiến bán hàng; Đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử; Tuyển dụng nhân viên
54	Phạm Thị Thu Hiền	ThS. Lưu Khánh Hiền	Một số kiến nghị hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Công ty Cổ phần S Home Renting	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác chăm sóc khách hàng, đánh giá thực trạng trong công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty cổ phần S Home Renting. Ưu điểm: Quảng cáo được các trang bài viết văn phòng rộng trên các trang mạng, tiếp cận được các khách hàng có nhu cầu thuê văn phòng, xây dựng được data khách hàng, nhân viên hiểu rõ được các sản phẩm để tư vấn cho khách hàng. Nhược điểm: Không gian văn phòng thiết kế chưa đa dạng, nhân viên cần trang bị cho mình thêm nhiều kỹ năng và kiến thức về sản phẩm văn phòng để phục vụ khách hàng tốt hơn, các trang bài lướt tiếp cận khách hàng còn ít. Kiến nghị: Cần đầu tư thêm nguồn vốn

				để setup lại các văn phòng, hỗ trợ tài chính cho nhân viên để viết và đăng bài lên các trang mạng, xây dựng thêm các chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp.
55	Phạm Thị Nhung	ThS. Lưu Khánh Hiền	Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động quảng cáo tại chi nhánh Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Á	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động quảng cáo, đánh giá thực trạng hoạt động quảng cáo tại chi nhánh công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Á từ đó nhận diện được mặt ưu điểm hạn chế, trên cơ sở bài học kinh nghiệm từ những công ty cùng ngành trong công tác hoạt động quảng cáo, đề xuất kiến nghị nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động quảng cáo tại công ty.
56	Nguyễn Đức Trí	ThS. Lưu Khánh Hiền	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông cổ động của công ty TNHH Xây Dựng và Đầu Tư HighDoor	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về truyền thông cổ động, nội dung hoạt động truyền thông cổ động: nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động tại Công ty TNHH Xây Dựng và Đầu Tư HighDoor. Thành tựu, Hạn chế của hoạt động truyền thông cổ động tại HighDoor: . Các chương trình khuyến mãi công ty đưa ra chưa phù hợp, số lượng chương trình còn ít. chưa có chính sách cụ thể trong kế hoạch xây dựng hoạt động truyền thông cổ động. Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động của HighDoor
57	Nguyễn Văn Tiến	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản trị kênh phân phối tại Việt Hương miền nam	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động quản trị kênh phân phối, nghiên cứu các thực trạng quản trị kênh phân phối tại Việt Hương miền nam, đưa ra các thành tựu, hạn chế, từ đó đưa ra các đề xuất nhằm giải quyết khó khăn của doanh nghiệp trong công tác quản trị kênh phân phối.
58	Võ Hoàng Châu	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Đánh giá chất lượng dịch vụ cung ứng nhân sự tại Công ty Cổ phần Jobkey chi nhánh Việc làm Đà Nẵng từ góc độ khách hàng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động đánh giá chất lượng dịch vụ từ góc độ khách hàng. Thực trạng về chất lượng dịch vụ cung ứng nhân sự tại Việc làm Đà Nẵng từ góc độ đánh giá của khách hàng có những ưu điểm về nhân sự và dịch vụ. Bên cạnh đó, còn có những hạn chế tồn tại chưa kiểm soát và cải tiến dịch vụ. Từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau: Aps dụng công

				cụ kiểm soát và đánh giá chất lượng dịch vụ; Triển khai dịch vụ sàng lọc ứng viên cho Doanh nghiệp có nhu cầu; Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường lao động.
59	Nguyễn Thị Xuân Trinh	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại công ty TNHH MTV Kha Gia Long - BHNT Generali	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động bán hàng, quy trình bán hàng, quy trình quản trị bán hàng nghiên cứu thực trạng hoạt động bán hàng của sản phẩm BHNT Generali, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong công tác hoạt động bán hàng, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện hoạt động bán hàng
60	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện hoạt động Digital Marketing nhằm thu hút khách hàng tại Công ty Cổ phần Hưng Việt Solution- Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động Digital Marketing, nội dung hoạt động Digital Marketing; nghiên cứu thực trạng hoạt động Digital Marketing tại Công ty CP Hưng Việt Solution. Ưu điểm: Đã có sự chuẩn bị về nền tảng cho hoạt động Digital Marketing, Tương tác tốt với những khách hàng tiếp cận được; Hạn chế: Không có chiến lược, kế hoạch tổng thể về phát triển hoạt động Digital Marketing, Chưa có chính sách đào tạo cho nhân viên Digital Marketing. Kiến nghị:- Hoàn thiện các công cụ Digital Marketing; - Hoàn thiện nhân lực cho hoạt động Digital Marketing.
61	Nguyễn Thị Nhân	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động của ví điện tử WPAY tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn thông Linh San	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động truyền thông cổ động; Nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động của ví điện tử WPAY tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn thông Linh San, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác truyền thông, trên cơ sở bài học kinh nghiệm từ các ví điện tử khác đề xuất kiến nghị hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty Linh San
62	Tổng Thị Quỳnh Trâm	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện chính sách marketing tại công ty chuyên phát nhanh EMS - Chi nhánh Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về chính sách marketing. Nghiên cứu thực trạng thực hiện các chính sách marketing của công ty, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác thực hiện chính sách marketing, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện chính sách marketing tại

				công ty chuyên phát nhanh EMS - Chi nhánh Đà Nẵng.
63	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động bán hàng tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ viễn thông Linh San	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động bán hàng, quy trình bán hàng, quy trình quản trị bán hàng nghiên cứu thực trạng hoạt động bán hàng của sản phẩm Wpay, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong công tác hoạt động bán hàng, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện hoạt động bán hàng
64	Ngô Thị Mai Hoa	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động bán hàng dịch vụ Internet tại Công ty Cổ phần hạ tầng Viễn thông CMC	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động bán hàng, quy trình bán hàng, quy trình quản trị bán hàng nghiên cứu thực trạng hoạt động bán hàng, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong công tác hoạt động bán hàng, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện hoạt động bán hàng
65	Đinh Thị Tú Như	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản trị kho tại Công ty Cổ Phần Thạch Bàn Miền Trung	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác quản trị kho, quy trình quản lý kho hàng, cách bố trí, từ đó tác giả nhận thấy và đánh giá được những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản trị kho, đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy trình quản trị kho.
66	Đinh Thị Mỹ Linh	ThS. Trần Hữu Hải	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác truyền thông cổ động tại công ty Cổ phần Jobkey chi nhánh Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về truyền thông cổ động, nội dung hoạt động truyền thông cổ động: nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động tại Công ty CP Jobkey. Thành tựu: Trang website của công ty được thiết kế rõ ràng giúp ứng viên dễ dàng tìm kiếm công việc mong muốn. Sử dụng ứng dụng công nghệ hiện đại giải đáp nhanh các thắc mắc của ứng viên và khách hàng. Tạo được ấn tượng đẹp trong lòng khách hàng khi tổ chức chức các chương trình từ thiện, ngày hội việc làm,.. Hạn chế: Không biết các khung giờ tốt và khung giờ bình thường dẫn đến lượng ứng viên tiếp cận các bài có phí bị giảm đi, hiệu quả làm việc chưa cao. Các chương trình khuyến mãi công ty đưa ra chưa phù hợp, số lượng

				chương trình còn ít. Quá trình hướng dẫn, đào tạo tư vấn cho thực tập sinh còn sơ sài dẫn đến thuyết phục khách hàng sử dụng dịch vụ còn ít.
67	Bùi Chí Sơn	ThS. Trần Hữu Hải	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác truyền thông cổ động tại công ty Hoàng Mạnh Glass	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về hoạt động truyền thông cổ động; Nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động của công ty, từ đó đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác truyền thông cổ động, đề xuất kiến nghị hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty.
68	Phạm Sỹ Đồng	ThS. Trần Thị Hải	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thịnh Thịnh Gia	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động quản trị lực lượng bán hàng, tuyển dụng, đánh giá, chính sách thù lao và đánh giá lực lượng bán hàng
69	Huỳnh Thị Mơ	ThS. Trần Thị Hải	Hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Hưng Gia Bình	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác quản trị lực lượng bán hàng, nghiên cứu thực trạng và phân tích đánh giá các ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại của công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Công ty TNHH VLXD Hưng Gia Bình. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện hơn công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Công ty trong thời gian tới. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị lực lượng bán hàng của Công ty.
70	Huỳnh Đình Thái	ThS. Trần Thị Hải	Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tân Hoàn Phước	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác chăm sóc khách hàng, khách hàng, quy trình chăm sóc khách hàng của công ty, nghiên cứu thực trạng và phân tích đánh giá các ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại của công ty.
71	Hồ Thị Xuân Hương	ThS. Trần Thị Hải	Kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị kênh phân phối tại chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu mỡ nhờn PVOIL tại Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về kênh phân phối, quản trị kênh phân phối; nghiên cứu thực trạng hoạt động Quản trị kênh phân phối tại chi nhánh công ty Cổ phần Dầu mỡ nhờn PVOIL tại Đà Nẵng, từ đó tác giả đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác quản trị kênh phân phối, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị

				kênh phân phối tại đây.
72	Trần Văn Văn	ThS. Trần Thị Hải	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu thực trạng và phân tích đánh giá các ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại của công tác đào tạo tại Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị để Công ty tham khảo và hoàn thiện hơn công tác đào tạo nguồn nhân lực của Công ty trong thời gian tới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực đến hết năm 2023.
73	Nguyễn Văn Trường	ThS. Đỗ Thị Thủy	Giải pháp hoàn thiện chất lượng dịch vụ tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về chất lượng dịch vụ, nghiên cứu thực trạng chất lượng dịch vụ của ngân hàng chính sách tỉnh Quảng Nam, từ đó tác giả đánh giá những thành công và hạn chế trong chất lượng dịch vụ, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.
74	Phạm Duy	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Một số giải pháp nâng cao động lực làm việc cho nhân viên TTKD-VNPT Đà Nẵng	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về động lực lao động, thực trạng động lực lao động, nghiên cứu và đề xuất giải pháp tại TTKD VNPT Đà Nẵng
75	Nguyễn Thị Phương Oanh	ThS. Đỗ Thị Thủy	Hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng tại Công ty TNHH tư vấn thương mại Khánh Linh - Chi nhánh Đà Nẵng.	Khoá luận hệ thống lý luận về hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng: Nghiên cứu thực trạng chăm sóc khách hàng tại Công ty TNHH tư vấn thương mại Khánh Linh - Chi nhánh Đà Nẵng. Từ đó, thấy được những thành tựu, hạn chế. Để đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng tại Công ty TNHH tư vấn thương mại Khánh Linh - Chi nhánh Đà Nẵng.
76	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Hoàn thiện công tác tuyển dụng lao động gián tiếp tại công ty cổ phần Than Miền Trung	Khóa luận hệ thống lý luận về công tác tuyển dụng lao động gián tiếp, nguyên cứu thực trạng tại công ty CP Than Miền Trung, từ đó tác giả đánh giá những mặt đạt được, mặt hạn chế trong công tác tuyển dụng lao động

				gián tiếp tại công ty, đề ra các giải pháp hoàn thiện công tác tuyển dụng lao động gián tiếp tại công ty CP Than Miền Trung.
77	Nguyễn Võ Trường Vi	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Hoàn thiện quy trình xuất khẩu thủy, hải sản tại công ty Thái Minh Khoa	<p>Phân tích quy trình xuất khẩu thủy hải sản của công ty Thái Minh Khoa. Từ đó, đánh giá và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình. Hạn chế: Công ty còn thiếu thông tin về các khách hàng lớn, còn có tư tưởng thụ động, chờ khách hàng tìm đến đặt hàng; Các thị trường nhập khẩu khó tính đang ngày càng gây sức ép cho công ty khi áp dụng các biện pháp vệ sinh kiểm dịch và an toàn thực phẩm khắt khe. Đối với thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc hiện nay, đang siết chặt kiểm soát về chất lượng một số mặt hàng thuộc nhóm nông, thủy sản; công ty sử dụng hệ thống kênh phân phối một cấp, tuy có đem lại nhiều thuận lợi trong cắt giảm chi phí, song khả năng tiếp cận khách hàng nước ngoài lại bị hạn chế rất nhiều. Kiến nghị: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu thị trường; Tiến hành đàm phán với sự chuẩn bị kỹ lưỡng để có được các hợp đồng khả thi và không bị rơi vào thế bất lợi; Làm thật tốt và nghiêm túc công tác chuẩn bị hàng hoá xuất khẩu phù hợp với yêu cầu của hợp đồng và tính chất của loại hàng xuất khẩu; Tăng cường công tác giám sát và điều hành thực hiện hợp đồng với tính kịp thời và nghiêm túc; Nhạy bén và kịp thời phát hiện và khắc phục những sai sót có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thời nâng cao công tác thực hiện các khâu trong tổ chức thực hiện quy trình hợp đồng; Tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu; Nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhân viên, đảm bảo các điều kiện cần thiết về thông tin cũng như các phương tiện vật chất - kỹ thuật cho quá trình thực hiện Hợp đồng xuất khẩu;</p>

78	Lê Thị Kim Chi	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại công ty TNHH MTV Gia Ngọc Tiên	Khóa luận hệ thống lý luận về công tác tuyển dụng nhân lực; nguyên cứu thực trạng công tác tuyển dụng tại công ty TNHH MTV Gia Ngọc Tiên. Thành tựu: công ty nói rõ quyền lợi trước khi vào làm việc ; hồ sơ sau khi đánh giá có lưu thông tin ứng viên một cách rõ ràng; tuyển dụng được thực hiện trong phạm vi chi phí không cao; công ty xây dựng quy trình tương đối đầy đủ. Hạn chế: chưa khai thác hết các nguồn tuyển dụng; nội dung phỏng vấn mang nặng lý thuyết thiếu thực hành; nền văn hóa công ty chưa được chú trọng. Nguyên nhân: công ty chưa thực sự chú trọng công tác tuyển dụng; công ty chưa có bài thi ở một số vị trí tuyển dụng; công ty chưa có phòng nhân sự. Kiến nghị: xây dựng bộ đề thi; phát huy tối đa kênh tuyển dụng đã chọn; mở rộng thêm các kênh tuyển dụng
79	Trần Thị Kiều Trinh	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty Cổ Phần Giao Nhận Hàng Hóa Đồng Tâm Cargo	Khóa luận hệ thống lý luận về công tác chăm sóc khách hàng; nghiên cứu thực trạng công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty CP GNHH Đồng Tâm Cargo; từ đó tác giả đưa ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến các hạn chế về công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty CP GNHH Đồng Tâm Cargo; từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại công ty CP GNHH Đồng Tâm Cargo
80	Huỳnh Ngọc Hoa	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về quản trị lực lượng bán hàng; nghiên cứu thực trạng công tác bán hàng tại Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, từ đó tác giả đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và những nguyên nhân dẫn đến hạn chế về công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Công ty CPVT FPT, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
81	Trương Thanh Trường	ThS. Lưu Khánh Hiền	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện việc sử dụng Công Cụ Marketing	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về các Công Cụ Marketing Online; nghiên cứu thực trạng sử dụng Công Cụ Marketing Online tại công ty TNHH Hợp Tác Giáo

			Online tại công ty TNHH Hợp Tác Giáo Dục Quốc Tế Thời Đại Mới	Dục Quốc Tế Thời Đại Mới, từ đó tác giả đánh giá những mặt đạt được, hạn chế và những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của việc sử dụng các Công Cụ trên tại Công ty. Tác giả đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện việc sử dụng các Công Cụ trên tại Công ty THỜI ĐẠI MỚI.
82	Phan Khánh Linh	ThS. Lưu Khánh Hiền	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động thiết kế kênh phân phối sản phẩm tại công ty TNHH phụ tùng Vinh Phát	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về thiết kế kênh phân phối; nghiên cứu thực trạng kênh phân phối tại công ty từ đó nêu ra ưu nhược điểm và đề xuất về việc thiết kế kênh phân phối mới cho sản phẩm phụ tùng tại công ty TNHH phụ tùng Vinh Phát
83	Nguyễn Thị Phụng	ThS. Lưu Khánh Hiền	Đề tài một số giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo lực lượng bán hàng tại công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	Nội dung vấn đề xoay quanh thực trạng về công tác đào tạo lực lượng bán hàng của công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung từ đó đưa ra các ưu điểm đồng thời đưa ra những nhược điểm mà công ty gặp phải trong công tác đào tạo. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo lực lượng bán hàng tại công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung.
84	Nguyễn Thanh Duy	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Hoàn thiện công tác truyền thông cổ động tại công ty đầu tư và xây dựng My Hous	Khóa luận liên quan đến việc giới thiệu công ty , thực trạng truyền thông cổ động tại công ty , những thành tựu và hạn chế mà công ty đang có, và một số kiến nghị của tác giả liên quan đến việc truyền thông cổ động
85	Huỳnh Ngọc Hồng	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Hoàn thiện hoạt động chăm sóc khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ FPT	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về chăm sóc khách hàng: nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác chăm sóc khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ FPT, phân tích ưu nhược điểm và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ FPT.
86	Phạm Thị Anh Thu	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH tư vấn thương mại Khánh Linh	Khóa luận hệ thống về tuyển dụng nhân sự: nghiên cứu thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH tư vấn thương mại Khánh Linh - chi nhánh Đà Nẵng từ đó thấy được những thành tựu, hạn chế. Đề đưa ra các đề xuất kiến nghị nhằm khắc phục, hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH tư vấn thương mại

				Khánh Linh - chi nhánh Đà Nẵng.
87	Trần Thị Loan	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH Trường Minh Đà Nẵng	Khoá luận hệ thống lý luận về Tuyển dụng nhân sự: Nghiên cứu thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH Trường Minh Đà Nẵng. Từ đó thấy những mặt đạt được, mặt hạn chế. Để đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH Trường Minh Đà Nẵng
88	Lê Ngọc Vinh	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động sản phẩm vách ngăn Compact tại công ty My House	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về truyền thông cổ động, nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động tại công ty My House từ đó đưa ra các đề xuất kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế từ thực trạng hoạt động đó.
89	Trần Thế Cường	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị LLBH sắt thép tại công ty cổ phần kim khí miền Trung	khóa luận hệ thống hóa lý luận về hoạt động quản trị LLBH, nghiên cứu thực trạng công tác quản trị LLBH tại công ty cổ phần kim khí miền trung từ đó đưa ra các đề xuất kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế từ thực trạng hoạt động đó.
90	Nguyễn Thị Kim Khánh	ThS. Trần Hữu Hải	Hoàn thiện công tác truyền thông cổ động tại công ty TNHH MTV Gia Ngọc Tiên	khóa luận hệ thống hóa lý luận về truyền thông cổ động, quản trị kênh truyền thông, nghiên cứu thực trạng hoạt động truyền thông cổ động tại công ty TNHH MTV Gia Ngọc Tiên. Thành tựu: Đạt được mục tiêu doanh số, chiếm được một ít thị phần Đà Nẵng; Hạn chế: Chưa khai thác tốt các phương tiện truyền thông cổ động, lượng truy cập website giảm, chưa có bản website dành cho di động, chưa có sự đầu tư vào công cụ tìm kiếm, hoạt động trên mạng xã hội chưa có sự quan tâm đúng mức lượng tương tác fanpage còn rất ít. một số hình thức khác cần được chú trọng hơn và đầu tư hơn. Kiến nghị: Đặt TVC quảng cáo trên youtube, facebook. Đặt banner quảng cáo trên các trang báo mạng và mạng xã hội, xây dựng thêm phiên bản di động, cập nhật thông tin thường xuyên, đầu tư vào

				công cụ tìm kiếm, giảm thời gian phản hồi khách hàng, tăng lượt like fanpage, tham gia thêm các mạng xã hội khác...
91	Đỗ Thị Như Ngân	ThS. Trần Hữu Hải	Hoàn thiện công tác truyền thông cổ động tại công ty TNHH Phụ Tùng Vinh Phát	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về truyền thông cổ động , phương tiện truyền thông và nghiên cứu thực trạng truyền thông cổ động của công ty từ đó thấy được những thành tựu , hạn chế mà công ty gặp phải . Kiến nghị đề xuất các hoạt động truyền thông tại công ty TNHH Phụ Tùng Vinh Phát.
92	Nguyễn Thị Phương Thanh	ThS. Trần Hữu Hải	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động Marketing trực tuyến tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tang lễ Thiện Tâm	Khoá luận hệ thống hoá lý luận về Marketing trực tuyến; nghiên cứu thực trạng hoạt động Marketing trực tuyến tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tang lễ Thiện Tâm, từ đó tác giả đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động Marketing trực tuyến, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm khắc phục hạn chế, hoàn thiện hoạt động Marketing trực tuyến tại đây.
93	Trần Nguyên Duy	ThS. Trần Hữu Hải	Một số kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị kênh phân phối của Công ty TNHH PECO FOOD	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về kênh phân phối, quản trị kênh phân phối; nghiên cứu thực trạng hoạt động Quản trị kênh phân phối cho sản phẩm thịt heo sạch thảo mộc tại Công ty TNHH PECO FOOD, từ đó tác giả đánh giá những thành công và hạn chế trong công tác quản trị kênh phân phối, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị kênh phân phối tại đây.
94	Đặng Thị Thanh Bình	ThS. Trần Hữu Hải	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng tại công ty chuyển phát nhanh EMS - Chi nhánh Đà Nẵng	Khóa luận hệ thống hóa lý luận về công tác chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thực trạng chăm sóc khách hàng tại công ty, từ đó đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế của công tác chăm sóc khách hàng tại công ty, đề xuất kiến nghị hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng tại công ty chuyển phát nhanh EMS - Chi nhánh Đà Nẵng
95	Trần Ngọc Hưng	ThS. Trần Thị Hải	Hoàn thiện Công Tác Chăm Sóc Khách Hàng tại Tổng Công Ty CP	Khóa luận hệ thống hóa lý luận chung về công tác chăm sóc khách hàng, Nội dung chăm sóc khách hàng; Nghiên cứu thực trạng công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty

			Bảo Hiểm Quân Đội – Công Ty Bảo Hiểm MIC Nam Đà Nẵng	Bảo hiểm MIC Nam Đà Nẵng. Thành tựu: Hình thức chăm sóc khách hàng đa dạng, Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp; Hạn chế: Chưa có bộ phận chăm sóc khách hàng riêng biệt, Các chương trình khuyến mãi chưa đa dạng; Kiến nghị: Cần có bộ phận chăm sóc khách hàng riêng biệt, Đa dạng hóa, nâng cao tần suất các chương trình khuyến mãi, Đưa ra chiến lược đa dạng hóa sản phẩm.
96	Đậu Thành Huy	ThS. Trần Thị Hải	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông 487	Khóa luận hệ thống lý luận về công tác đào tạo nguồn nhân lực. Nội dung đó là nghiên cứu thực trạng tại công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông 487 , từ đó tác giả đưa ra ưu điểm ,những hạn chế trong công ty và sau đó đưa ra kiến nghị để giải quyết những vấn đề trên của công ty.
97	Hoàng Phương Trinh	ThS. Lưu Khánh Hiền	Hoàn thiện quy trình chăm sóc khách hàng tại Công ty CP DDTM và PT Đại Nam	Khóa luận hệ thống về hoàn thiện quy trình chăm sóc khách hàng tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Đại Nam. Nội dung vấn đề xoay quanh thực trạng về quy trình chăm sóc khách hàng ở Công Ty Đại Nam, từ đó đưa ra các ưu nhược điểm để hoàn thiện được quy trình chăm sóc khách hàng tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển Đại Nam
98	Lê Phước Hoàng	GVC. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, chế tạo hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và chiều cao dùng PLC S7-1200 CPU1212C DC/DC/DC	
99	Bùi Bảo Kha	GVC. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, chế tạo hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và chiều cao dùng PLC S7-1200 CPU1212C DC/DC/DC	
100	Võ Văn Khải	GVC. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, chế tạo hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và chiều	

			cao dùng PLC S7-1200 CPU1212C DC/DC/DC	
101	Ngô Văn Thuận	GVC. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, chế tạo hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và chiều cao dùng PLC S7-1200 CPU1212C DC/DC/DC	
102	Nguyễn Tấn Cương	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công hệ thống điều khiển chiết rót - đóng nắp chai sử dụng PLC S7-1200	
103	Phan Duy Chung	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công hệ thống điều khiển chiết rót - đóng nắp chai sử dụng PLC S7-1200	
104	Lê Duy Lương	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công hệ thống điều khiển chiết rót - đóng nắp chai sử dụng PLC S7-1200	
105	Phạm Quang Khải	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát hệ thống lưu kho tự động	
106	Nguyễn Văn Thành	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát hệ thống lưu kho tự động	
107	Nguyễn Văn Vinh	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát hệ thống lưu kho tự động	
108	Võ Văn Hoàng	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát bãi đỗ xe tự động	

109	Võ Khắc Thắng	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát bãi đỗ xe tự động	
110	Đỗ Tấn Thịnh	ThS. Nguyễn Hồng Phúc	Thiết kế, thi công mô hình điều khiển, giám sát bãi đỗ xe tự động	
111	Đậu Đức Công	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình ghép phôi và phân loại sản phẩm theo màu sắc	
112	Trần Đức Linh	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình ghép phôi và phân loại sản phẩm theo màu sắc	
113	Hồ Sĩ Thọ	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình ghép phôi và phân loại sản phẩm theo màu sắc	
114	Nguyễn Văn Hân	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình điều hướng năng lượng mặt trời	
115	Hồ Viết Khương	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình điều hướng năng lượng mặt trời	
116	Võ Ngọc Vân	ThS. Nguyễn Mạnh Hà	Thiết kế, thi công mô hình điều hướng năng lượng mặt trời	
117	Nguyễn Thị Thạch Thảo	ThS. Lê Thị Cẩm Giang	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ Phần Xây Lắp và Thương Mại Hùng	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp Chương 2: Tình hình thực tế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty Cổ Phần Xây Lắp và Thương Mại Hùng Cường.

			Cường	Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty Cổ Phần Xây Lắp và Thương Mại Hùng Cường.
118	Phan Thị Mỹ Linh	ThS. Nguyễn Thị Uyên Phương	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nhập khẩu - Sản xuất - Thương mại Tân Thời Đại quý II năm 2020	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nhập khẩu - Sản xuất - Thương mại Tân Thời Đại. Chương 3: Một số đánh giá về công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nhập khẩu - Sản xuất - Thương mại Tân Thời Đại.
119	Nguyễn Thị Ly Na	ThS. Nguyễn Xuân Hiệp	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần STPOWER	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần STPOWER. Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần STPOWER.
120	Nguyễn Thị Trà Mi	ThS. Phạm Minh Phương	Kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Ngọc Mỹ Kim	Chương 1. Cơ sở lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Ngọc Mỹ Kim. Chương 3. Đánh giá và một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Ngọc Mỹ Kim.
121	Trương Thị Như Thủy	ThS. Huỳnh Thị Trang	Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Trần Đức Lý	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ Chương 2: Tình hình thực tế về công tác kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Trần Đức Lý Chương 3: Một số nhận xét và ý kiến đề xuất về công tác kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công

				ty TNHH Trần Đức Lý
122	Lê Đình Trung Hiếu	ThS. Huỳnh Thị Trang	Kế toán vốn bằng tiền tại Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Bộ	Chương 1: Cơ sở lý luận vốn bằng tiền trong doanh nghiệp Chương 2: Tìm hiểu chung và thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Bộ Chương 3: Nhận xét, đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Bộ
123	Huỳnh Thị Mai	TS. Phạm Thị Bích Vân	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH SX và TM Trường Hưng Đạt	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH SX và TM Trường Hưng Đạt Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH SX và TM Trường Hưng Đạt
124	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	TS. Trần Thượng Bích La	Kế toán và kiểm soát vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Môi Trường và Công Trình Đô Thị Đông Hà	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán và kiểm soát vốn bằng tiền trong doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán và kiểm soát vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Môi Trường và Công Trình Đô Thị Đông Hà. Chương 3: Hoàn thiện kế toán và kiểm soát vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Môi Trường và Công Trình Đô Thị Đông Hà.
125	Thái Thị Ngọc Quỳnh	TS. Trần Thượng Bích La	Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Bảo Lâm Phương Chi Nhánh Hội An	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại & Dịch vụ Bảo Lâm Phương Chi Nhánh Hội An Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ

				phần thương mại & Dịch vụ Bảo Lâm Phương Chi Nhánh Hội An
126	Phan Thị Mỹ Hằng	TS. Phạm Thị Bích Vân	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng 919	Chương 1: Lí luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng 919 Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư xây dựng 919
127	Huỳnh Thị Tuyết	ThS. Huỳnh Thị Trang	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thúy Hằng	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thúy Hằng Chương 3: Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thúy Hằng
128	Nguyễn Hữu Tâm	ThS. Nguyễn Xuân Hiệp	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Đô	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Đô Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kim Đô
129	Nguyễn Thanh Tâm	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Mibko	Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp Mibko Chương 3: Một số nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH tư vấn xây dựng Mibko

130	Nguyễn Thị Vân An	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Tân An	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất</p> <p>Chương 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty cổ phần sản xuất nguyên vật liệu xây dựng Tân An</p> <p>Chương 3: Một số nhận xét và đề xuất hoàn thiện về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần sản xuất nguyên vật liệu xây dựng Tân An.</p>
131	Trương Minh Trang	Ths. Nguyễn Thị Thanh Phương	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Quảng Trị	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp</p> <p>Chương 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Quảng Trị</p> <p>Chương 3: Một số nhận xét và đề xuất hoàn thiện về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Quảng Trị</p>
132	Lê Tú Uyên	ThS. Nguyễn Xuân Hiệp	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Mai Thanh Dung	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh</p> <p>Chương 2: Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Thanh Dung</p> <p>Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Mai Thanh Dung</p>
133	Phan Thị Hồng Thắm	Ths. Đặng Thanh Nga	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ Tầng Giao Thông Đèo Cả	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</p> <p>Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả</p> <p>Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả</p>

134	Nguyễn Tiến Hà	ThS. Nguyễn Thị Uyên Phuong	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần hạ tầng giao thông Đèo Cả	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở công ty xây lắp Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả
135	Đoàn Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần IPP Organic	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần IPP Organic Chương 3: Một số đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kinh doanh tại công ty cổ phần IPP Organic
136	Phạm Thị Thùy Linh	Ths. Nguyễn Thị Thanh Phuong	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hương Phố	Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hương Phố Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hương Phố
137	Đinh Thị Minh Thư	Ths Đặng Thanh Nga	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV TM&DV Hiếu Phúc	Chương 1: cơ sở lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại Chương 2: thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV TM&DV HP Chương 3: một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty
138	Trần Thị Ánh Phước	Ths Lâm Xuân Đào	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Khái quát chung về công ty cổ phần Logistics

			CP Logistics Portserco	Portserco Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Logistics Portserco
139	Nguyễn Thị Hải Châu	Ths. Nguyễn Thị Uyên Phương	Kế toán Bán hàng và Xác định Kết Quả Kinh Doanh tại Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy	Chương 1 : Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy Chương 3: Những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy
140	Phạm Thị Thanh Thúy	Ths. Nguyễn Thị Thanh Phương	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Sơn Thuận An	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Sơn Thuận An Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Sơn Thuận An
141	Lê Văn Tuyền	Ths. Lâm Xuân Đào	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây Dựng Số 6 Kon Tum	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Chương 2: Thực trạng kế toán về tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây Dựng Số 6 Kon Tum. Chương 3: Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây Dựng Số 6 Kon Tum.
142	Trần Thị Ngọc Ánh	TS. Phạm Thị Bích Vân	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trường	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chương 2: Thực trạng kế toán về tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trường Hưng Đạt.

			Hung Đạt	Chương 3: Đánh giá chung và một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trường Hưng Đạt.
143	Nguyễn Thị Mai Lương	Ths. Phạm Minh Phương	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần công trình 792	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần công trình 792 Chương 3: Nhận xét và đánh giá công tác kế toán tại Công ty Cổ phần công trình 792
144	Nguyễn Thị Tiểu Trúc	Th.S Nguyễn Thị Uyên Phương	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Tasupharm	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tasupharm Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tasupharm
145	Hồ Thị Thu	Th.S Huỳnh Thị Trang	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Chi nhánh công ty cổ phần xây lắp thủy sản Việt Nam - Xí nghiệp xây lắp số 3	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Chi nhánh công ty cổ phần xây lắp thủy sản Việt Nam - Xí nghiệp xây lắp số 3 Chương 3 : Nhận xét và kiến nghị về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Chi nhánh công ty cổ phần xây lắp thủy sản Việt Nam - Xí nghiệp xây lắp số 3
146	Đặng Thị Thùy	TS. Trần Thượng Bích la	Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Nguyễn Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả hoạt động

			Nguyên	kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Nguyên Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Nguyên
147	Ngô Thị Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thanh Hương	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thanh Hương Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thanh Hương
148	Nguyễn Thị Mỹ Liên	TS. Phạm Minh Phương	kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV Vũ Phúc Đức.	Chương 1: cơ sở lý luận về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: thực trạng về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV VŨ PHÚC ĐỨC Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV VŨ PHÚC ĐỨC
149	Phan Thị Ngọc Ánh	TS. Trần Phụng Trân	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TM XNK Mai Khanh	Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh Chương II: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM XNK Mai Khanh Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM XNK Mai Khanh
150	Nguyễn Kim Tuyền	TS. Phạm Thị Bích Vân	Kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Mai Thanh Dung	Chương 1: Cơ sở lý thuyết về thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Mai Thanh Dung. Chương 2: Thực trạng kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Mai Thanh Dung. Chương 3: Đánh giá và một số ý kiến hoàn thiện công tác

				kế toán tại công ty TNHH Mai Thanh Dung.
151	Nguyễn Thị Thu Huyền	Ths. Đặng Thanh Nga	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản xây lắp tại công ty TNHH Huy Hoàng	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Huy Hoàng Chương 3: Một số nhận xét, ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Huy Hoàng
152	Trần Thị Bích Ngọc	TS. Thượng Bích La	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TM&DV Tin Học Hiên Sương	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh Chương 2: Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TM&DV Tin Học Hiên Sương Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TM&DV Tin Học Hiên Sương
153	Nguyễn Tâm Uyên	Th.S Lâm Xuân Đào	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Chương 2: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ Chương 3: Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ
154	Ngô Thị Tâm	ThS. Lê Thị Cẩm Giang	Kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty Cổ Phần Tasupharm	Chương 1: Cơ sở lý luận về thuế GTGT và Kế toán thuế GTGT Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty Cổ Phần Tasupharm Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty Cổ Phần

				Tasupharm
155	Đào Thị Mai Ngân	Ths. Đặng Thanh Nga	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần LASA	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần LASA Chương 3: Một số đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần LASA
156	Phan Thị Hoài	Ths. Lâm Xuân Đào	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thép và đầu tư Thụy Sỹ	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thép và đầu tư Thụy Sỹ Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thép và đầu tư Thụy Sỹ
157	Hồ Thị Kim Vui	Ths. Lê Thị Cẩm Giang	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần vật liệu cách nhiệt Việt Nhật	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt Việt Nhật Chương 3: Nhận xét và ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt Việt Nhật.
158	Lê Thị Phương Thùy	Ths. Trần Phụng Trân	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Dầu nhớt và hóa chất Trung Trung Việt	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Dầu nhớt và hóa chất Trung Trung Việt Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế

				toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Dầu nhờn và hóa chất Trung Trung Việt
159	Lê Thị Tĩnh Yên	ThS. Lê Thị Cẩm Giang	Kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Máy Trắc Địa Ngọc Hương	Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy Trắc Địa Ngọc Hương Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Máy Trắc Địa Ngọc Hương

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Ứng dụng mô phỏng số trong nghiên cứu địa kỹ thuật	23/9/2020	Phòng 101 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	40
2	Kinh nghiệm ứng dụng mô hình học cùng cộng đồng (CEL/SL) trong giáo dục đại học Việt Nam	05-06/12/2020	Phòng 201,20,204,101 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	150
3	“Đổi mới chương trình đào tạo ngành kiến trúc” được phối hợp tổ chức giữa trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và Trường Đại học Xây dựng	09/12/2020	Phòng 212 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	70
4	Kinh nghiệm thực tiễn trong viết báo và công bố đề tài nghiên cứu khoa học quốc tế	19/12/2020	Phòng 212 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	30
5	Kiến trúc thích ứng với thiên tai	09/01/2021	Phòng 204 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	150
6	Sử dụng giáo trình NXB National Geographic trong giảng dạy các học phần Tiếng Anh	11/01/2020	Phòng 212 Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	15
7	Thiết kế chương trình đào tạo và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giữa Khoa Kinh tế-ĐH Kiến trúc Đà Nẵng và Khoa Quản trị kinh doanh & Kế toán_Saint Michael's College (Hoa Kỳ)	09/6/2021	Tổ chức online qua Google meet	40

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Xây dựng hệ thống tư liệu hình ảnh đồ án chuyên ngành đồ họa của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	GV. Mai Vân Hương		12/2020 - 05/2021	8.000.000đ	Xây dựng hệ thống tư liệu đồ họa giúp sinh viên hiểu rõ về các thông tin của đồ án môn học, phát triển khả năng triển khai đồ án môn học cho sinh viên
2	Giáo trình "Marketing du lịch"	TS. Đinh Thị Thi ThS. Đỗ Thị Thủy GV. Phạm Thị Thu Ba		12/2020 - 05/2021	6.000.000đ	Xuất bản giáo trình Marketing du lịch giảng dạy cho sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
3	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của điểm đến Đà Nẵng đối với khách du lịch nội địa trong bối cảnh ảnh hưởng của Covid 19	ThS. Lê Thái Phụng GV. Huỳnh Tấn Phúc GV. Phạm Thị Chi GV. Tô Văn Hạnh (Khoa Lịch sử-ĐH Sư phạm Đà Nẵng)		12/2020 - 09/2021	8.000.000đ	Nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến du lịch Đà Nẵng nhằm thu hút khách nội địa trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch covid 19 – làm tư liệu cho hoạt động giảng dạy của giảng viên và sinh viên Khoa Du lịch
4	Nghiên cứu động cơ học tập và kết quả học tập của sinh viên Khoa du lịch - Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ThS. Lê Thái Phụng GV. Nguyễn Xuân Vinh		12/2020 - 05/2021	8.000.000đ	Kết quả nghiên cứu của Đề tài góp phần hỗ trợ đưa ra những định hướng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đối với giảng viên: góp phần định hướng để tích cực hóa động cơ học tập của sinh viên và nâng cao kết quả học tập chi sinh

						viên
5	Giáo trình "Kế toán Tài chính doanh nghiệp 4"	ThS. Trần Thượng Bích La ThS. Huỳnh Thị Trang		01/2021 - 10/2021	6.000.000đ	Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho người học có tài liệu học tập chuẩn và sớm tiếp cận được với nghề nghiệp, tạo được sự thống nhất về nội dung giảng dạy
6	Giáo trình "Thương mại điện tử"	TS. Lâm Minh Châu, ThS. Lê Thị Quỳnh Anh ThS. Lê Thị Kim Ngân, ThS. Lâm Xuân Đào		12/2020 - 06/2021	6.000.000đ	Xuất bản giáo trình cho môn học Thương mại điện tử và các học phần liên quan
7	Giáo trình "Quản trị chuỗi cung ứng"	TS. Lâm Minh Châu, ThS. Trần Thị Hải ThS. Nguyễn Thị Thu Hà		11/2020 - 11/2021	6.000.000đ	Xuất bản giáo trình cho môn học Quản trị chuỗi cung ứng và các học phần liên quan
8	Nâng cao tính tích cực trong học tập cho sinh viên Khoa Kinh tế - trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ThS. Nguyễn Thị Ngọc ThS. Phan Thoại Chiêu		12/2020 - 07/2021	8.000.000đ	Kết quả nghiên cứu của đề tài được vận dụng vào thực tế trong việc giảng dạy và học tập đối với sinh viên và giảng viên Khoa Kinh tế Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng
9	Nghiên cứu sức chịu tải cực hạn của móng nông dựa trên mô phỏng số	ThS. Hồ Thanh Trung ThS. Nguyễn Văn Nhân		12/2020- 06/2021	8.000.000đ	Ohucj vụ tính toán sức chịu tải cực hạn của học phần cơ học đất và nền móng. Ứng dụng phần mềm địa kỹ thuật (Plaxis 2D, Plaxis 3D) vào trong học phần Cơ học đất và nền móng

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tháng 01/2018	81,97%	04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/3/2018	Đạt tiêu chuẩn KĐCLGD	14/5/2018	14/5/2023

Biểu mẫu 19**Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2020 – 2021****A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	51.802	51.802		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	7.000	7.000		
b	Ký túc xá				
c	Cơ sở 2 tại	44.802	44.802		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	22.952	17.952		5.000
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	22.952	17.952		5.000
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	3	GD/HT ^(*)	GV, SV	285	X		
2	Phòng thực hành...	5	GD/HT	GV, SV	822	X		
3	Xưởng thực tập...	3	GD/HT	SV	670	X		
4	Nhà tập đa năng	1	GD/HT	SV	5.000			X
5	Hội trường	5	GD/HT	SV	2.000	X		
6	Phòng học...	89	GD/HT	SV	12.993	X		
7	Phòng học đa phương tiện...	1	GD/HT	SV	240	X		
8	Thư viện...	1	GD/HT	GV, SV	942	X		
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác	23	Làm việc	CB, GV	1.309	X		

(*) : Giảng dạy/học tập

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện	65
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	13.860
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	03

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên – 51.802/5.678 (SV tháng 6/2021)	9.12m ² /1 sv
2	Diện tích sàn/sinh viên – 22.952/5.678 (SV tháng 6/2021)	4.04m ² /1 sv

Biểu mẫu 20**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục
đại học năm 2020 -2021****A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu (Tính đến ngày 21/6/2021)**

	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			
		Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I	
I	Tổng số	345	1	8	27	274	35			
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	322	1	8	26	254	33			
A	Khối ngành II	31				22	9			
1	Thiết kế Đồ họa	31				22	9			
B	Khối ngành III	50			5	45				
1	Kế toán	13			2	11				
2	Tài chính Ngân hàng	10			1	9				
3	Quản trị Kinh doanh	27			2	25				
C	Khối ngành V	164	1	8	15	124	16			
1	Kiến trúc	39		3	4	29	3			
2	Thiết kế Nội thất	20				13	7			
3	Kỹ thuật xây dựng	25	1	1	5	18				
4	Quản lý Xây dựng	10			2	8				
5	Kỹ thuật Xây dựng CTGT	10			1	9				
6	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	10		1		6	3			
7	Công nghệ Thông tin	25		1		23	1			
8	Công nghệ KT Điện - Điện tử	15		1	2	10	2			
9	Logistics	10		1	1	8				
D	Khối ngành VII	77			6	63	8			
1	Ngôn ngữ Anh	23			2	19	2			
2	Ngôn ngữ Trung quốc	34			2	28	4			

		Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
3	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành	10			1	8	1			
4	Quản trị Khách sạn	10			1	8	1			
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	23			1	20	2			

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành (Tính đến ngày 21/6/2021)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
I - Khối ngành II						
<i>1) Thiết kế Đồ họa</i>						
1	Lê Thị Thu Hương	1978	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
2	Lê Thị Lan Phương	1985	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
3	Nguyễn Thị An Hiền	1982	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
4	Trần Thị Thùy Trang	1987	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
5	Nguyễn Thị Thu Huyền	1984	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
6	Trần Công Trung	1984	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
7	Đào Anh Tài	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
8	Mai Văn Hương	1991	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
9	Nguyễn Thị Phương	1995	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
10	Trần Huỳnh Công Huy	1979	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
11	Ngô Thanh Hùng	1982	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
12	Huỳnh Tấn Ảnh	1983	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
13	Trần Thị Minh Hà	1984	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
14	Dương Trần Duy Thông	1978	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
15	Lê Văn Hóa	1980	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
16	Nguyễn Thị Thùy Trang	1988	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
17	Đặng Thị Phương	1983	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
18	Đàm Ngọc Linh	1992	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
19	Nguyễn Hùng Tuấn	1993	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
20	Đậu Quyết Thắng	1994	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
21	Trương Thị Ngọc Anh	1981	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
22	Lê Phương Hiếu	1980	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
23	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
24	Đinh Thị Thủy Vân	1992	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
25	Nghiêm Hồng Linh	1979	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
26	Lê Hoàng Anh	1977	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
27	Nguyễn Bé	1974	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
28	Nguyễn Mai Quỳnh Chi	1991	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
29	Trần Khánh Nam Phương	1986	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
30	Bùi Diệu Ly	1991	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
31	Tôn Thất Tùng Hải	1968	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa

II - Khối ngành III

1) Kế toán

1	Trần Thương Bích La	1978	Nữ		TS	Kế toán
2	Lê Thị Kim Hoa	1954	Nữ		THS	Kế toán
3	Lâm Xuân Đào	1986	Nữ		THS	Kế toán
4	Phạm Thị Bích Vân	1979	Nữ		TS	Kế toán
5	Nguyễn Xuân Hiệp	1977	Nam		THS	Kế toán
6	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1987	Nữ		THS	Kế toán
7	Nguyễn Thị Thanh Phương	1988	Nữ		THS	Kế toán
8	Huỳnh Thị Trang	1979	Nữ		THS	Kế toán
9	Phạm Minh Phương	1987	Nữ		THS	Kế toán
10	Đặng Thanh Nga	1989	Nữ		THS	Kế toán
11	Nguyễn Thị Uyên Phương	1990	Nữ		THS	Kế toán
12	Lê Thị Cẩm Giang	1989	Nữ		THS	Kế toán
13	Nguyễn Thị Hà My	1990	Nữ		THS	Kế toán

2) Tài chính Ngân hàng

1	Lê Công Toàn	1955	Nam		TS	Tài chính Ngân hàng
2	Nguyễn Hồng Diệu Hương	1985	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
3	Trần Thị Yến Vinh	1986	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
4	Lưu Thị Minh Hà	1985	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
5	Vũ Hoàng Vy	1986	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
6	Nguyễn Thị Ngọc	1986	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
7	Ngô Đức Chiến	1988	Nam		THS	Tài chính Ngân hàng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
8	Phạm Thị Hoàng Mỹ	1985	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
9	Lê Thị Minh Hương	1987	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
10	Phan Nguyên Thùy Trâm	1987	Nữ		THS	Tài chính Ngân hàng
3) Quản trị Kinh doanh						
1	Lâm Minh Châu	1954	Nữ		TS	Quản trị Kinh doanh
2	Nguyễn Thị Hương An	1984	Nữ		TS	Quản trị Kinh doanh
3	Nguyễn Thị Đà	1953	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
4	Nguyễn Thị Minh Lý	1983	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
5	Trần Ngọc Minh Trang	1989	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
6	Nguyễn Thị Nga My	1989	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
7	Trần Phương Hạnh	1985	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
8	Lê Thị Quỳnh Anh	1984	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
9	Trần Thị Hải	1986	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
10	Mai Thị Thảo Chi	1987	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
11	Trần Hữu Hải	1962	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
12	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
13	Nguyễn Thị Lê Loan	1988	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
14	Lưu Khánh Hiền	1980	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
15	Nguyễn Thị Phượng Anh	1981	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
16	Lê Thị Thùy Dung	1988	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
17	Phạm Quốc Trí	1990	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
18	Lê Minh Hiền	1984	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
19	Nguyễn Thị Phương Linh	1984	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
20	Nguyễn Thanh Trí	1986	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
21	Phan Trọng An	1960	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
22	Đặng Chí Phong	1985	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
23	Trần Thúy Kiều	1977	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
24	Đinh Phạm Chiêu Quân	1988	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
25	Lê Thị Quỳnh Trang	1988	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
26	Lê Thị Chín	1992	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
27	Võ Thị Cẩm Nhung	1991	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
III - Khối ngành V						
1) Kiến trúc						

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
1	Trương Tùng	1935	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
2	Châu Ngọc Điền	1935	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
3	Đỗ Đức Viêm	1940	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
4	Phạm Anh Tuấn	1974	Nam		TS	Kiến trúc
5	Võ Thành Nghĩa	1968	Nam		THS	Kiến trúc
6	Trương Kim Minh Châu	1969	Nam		THS	Kiến trúc
7	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1982	Nữ		THS	Kiến trúc
8	Nguyễn Quang Bảo	1976	Nam		THS	Kiến trúc
9	Phạm Bá Tất Thành	1979	Nam		THS	Kiến trúc
10	Phạm Anh Tú	1982	Nam		THS	Kiến trúc
11	Nguyễn Thị Thùy Vân	1984	Nữ		TS	Kiến trúc
12	Lê Thủy Tiên	1984	Nữ		THS	Kiến trúc
13	Nguyễn Thanh Tùng	1980	Nam		THS	Kiến trúc
14	Lê Hữu Trình	1984	Nam		THS	Kiến trúc
15	Trần Xuân Tuấn	1986	Nam		THS	Kiến trúc
16	Phạm Thị Thùy Dương	1985	Nữ		THS	Kiến trúc
17	Nguyễn Hồng Sơn	1980	Nam		THS	Kiến trúc
18	Nguyễn Xuân Sơn	1978	Nam		THS	Kiến trúc
19	Nguyễn Thanh Hoàng	1988	Nam		THS	Kiến trúc
20	Bùi Công Đoàn	1983	Nam		THS	Kiến trúc
21	Võ Hữu Linh	1981	Nam		THS	Kiến trúc
22	Lê Thị Ly Na	1979	Nữ		TS	Kiến trúc
23	Nguyễn Nguyên	1987	Nam		THS	Kiến trúc
24	Lê Thị An Phụng	1989	Nữ		ĐH	Kiến trúc
25	Phan Hoàng Trọng	1988	Nam		THS	Kiến trúc
26	Ngô Tú	1990	Nam		THS	Kiến trúc
27	Dương Văn Hoàng	1977	Nam		THS	Kiến trúc
28	Nguyễn Hoàng Quân	1995	Nam		ĐH	Kiến trúc
29	Nguyễn Thị Thùy Dung	1995	Nữ		ĐH	Kiến trúc
30	Nguyễn Ngọc Nương	1986	Nữ		TS	Kiến trúc
31	Nguyễn Lê Ngọc Thanh	1983	Nữ		THS	Kiến trúc
32	Cao Giang Nam	1979	Nam		THS	Kiến trúc
33	Nguyễn Nho Viên	1983	Nam		THS	Kiến trúc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
34	Phan Trần Kiều Trang	1987	Nữ		THS	Kiến trúc
35	Nguyễn Thị Xuân Khánh	1989	Nữ		THS	Kiến trúc
36	Nguyễn Thành Hồng	1990	Nam		THS	Kiến trúc
37	Nguyễn Phạm Kim Toàn	1968	Nam		THS	Kiến trúc
38	Tôn Nữ Yến Ly	1981	Nữ		THS	Kiến trúc
39	Thái Thành Hưng	1982	Nam		THS	Kiến trúc
2) Thiết kế Nội thất						
1	Nguyễn Thị Hồng Tươi	1980	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
2	Huỳnh Kim Phúc	1977	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
3	Đặng Văn Dũng	1972	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
4	Tạ Thị Minh Trang	1981	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
5	Đỗ Như Bảo	1981	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
6	Nguyễn Văn Quốc Tuấn	1986	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
7	Trần Phan Anh Tú	1985	Nữ		ĐH	Thiết kế Nội thất
8	Trần Vũ Thành Nhân	1979	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
9	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1990	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
10	Nguyễn Văn Trung	1990	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
11	Lê Thị Thùy Dung	1990	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
12	Trần Hải Hậu	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
13	Nguyễn Văn Hiếu	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
14	Trần Thị Xuân Lộc	1984	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
15	Trần Hải	1983	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
16	Nguyễn Thị Huyền Trâm	1983	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
17	Phan Công Nam	1983	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
18	Trần Quốc Toàn	1983	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
19	Nguyễn Phương Tú	1983	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
20	Ôn Trí Đức	1984	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
3) Kỹ thuật Xây dựng						
1	Nguyễn Tấn Quý	1938	Nam	GS	TS	Kỹ thuật xây dựng
2	Nguyễn Quang Đoàn	1939	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật xây dựng
3	Phùng Xuân Thọ	1951	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
4	Trần Thanh Bình	1985	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
5	Nguyễn Hải Hoàn	1986	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
6	Nguyễn Hoàng Thu Thủy	1970	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
7	Trần Minh Trí Thành	1982	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
8	Nguyễn Minh Trung	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
9	Đỗ Thanh Vũ	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
10	Nguyễn Thị Huyền Vân	1986	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
11	Phạm Văn An	1983	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
12	Phan Xuân Bình	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
13	Ngô Quốc Khánh	1965	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
14	Bùi Minh Cảnh	1987	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
15	Nguyễn Quốc Toàn	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
16	Dương Thanh Huyền	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
17	Nguyễn Quang Thịnh	1991	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
18	Phạm Xuân Hiệu	1990	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
19	Ngô Trí Phước	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
20	Nguyễn Phương Ngọc	1986	Nữ		TS	Kỹ thuật xây dựng
21	Nguyễn Văn Nhân	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
22	Võ Thành Trung	1984	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
23	Lê Quang Tuyền	1986	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
24	Phạm Quang Quảng	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
25	Nguyễn Tấn Trác	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
4) Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông						
1	Nguyễn Văn Thái	1969	Nam		TS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
2	Nguyễn Hữu Phước	1984	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
3	Võ Minh Đăng Hải	1985	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
4	Nguyễn Văn Đăng	1986	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
5	Trần Tiến Đức	1985	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
6	Phạm Minh Vương	1987	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
7	Vương Hữu Cờm	1988	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
8	Châu Si Quanh	1985	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
9	Nguyễn Văn Hòa	1990	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
10	Hồ Thanh Trung	1989	Nam		THS	Kỹ thuật Xây dựng CTGT
5) Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng						
1	Trần Cát	1934	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
2	Nguyễn Thị Thân Quý	1984	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
3	Trần Thị Ngọc Duyên	1985	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
4	Hồ Công Tiến	1989	Nam		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
5	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1988	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
6	Trần Thị Nhật Nguyên	1985	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
7	Nguyễn Quang Anh	1946	Nam		ĐH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
8	Nguyễn Thế Sơn	1988	Nam		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
9	Lê Tử Nam	1950	Nam		ĐH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
10	Phan Thanh Hoàng	1990	Nam		ĐH	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
6) Quản lý Xây dựng						
1	Phạm Khắc Xuân	1952	Nam		TS	Quản lý Xây dựng
2	Trần Thị Thủy Phương	1986	Nữ		TS	Quản lý Xây dựng
3	Lê Thị Phước	1986	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
4	Ngô Thị Thanh Hiền	1986	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
5	Hoàng Thị Phương Trà	1984	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
6	Ngô Tuấn Anh	1988	Nam		THS	Quản lý Xây dựng
7	Lê Thị Thanh Tâm	1985	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
8	Ngô Thị Kiều Linh	1989	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
9	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1982	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
10	Hoàng Nam Khánh	1983	Nam		THS	Quản lý Xây dựng
7) Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử						
1	Nguyễn Bốn	1947	Nam	PGS	TS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
2	Trang Dung	1954	Nam		TS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
3	Nguyễn Mạnh Hà	1974	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
4	Cao Minh Lộc	1984	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
5	Lê Tấn Duy	1952	Nam		TS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
6	Nguyễn Hồng Phúc	1985	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
7	Phạm Vĩnh Minh	1947	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
8	Lâm Tăng Đức	1950	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
9	Trần Ngọc Do	1952	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
10	Khuong Công Minh	1954	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
11	Lê Vân	1954	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
12	Đỗ Thị Nga	1947	Nữ		ĐH	Công nghệ KT Điện - Điện tử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
13	Nguyễn Mạnh Hà	1953	Nam		ĐH	Công nghệ KT Điện - Điện tử
14	Đinh Hoàng Cẩm Lệ	1986	Nữ		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
15	Lê Ngọc Thanh	1992	Nam		THS	Công nghệ KT Điện - Điện tử
8) Công nghệ Thông tin						
1	Trần Mạnh Huy	1973	Nam	PGS	TS	Công nghệ Thông Tin
2	Nguyễn Thị Xuân Thủy	1982	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
3	Nguyễn Tất Phú Cường	1987	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
4	Phạm Thị Dung	1989	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
5	Đỗ Phúc Hào	1991	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
6	Huỳnh Anh Tuấn	1970	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
7	Phạm Công Phúc	1970	Nam		ĐH	Công nghệ Thông Tin
8	Hoàng Sỹ Thắng	1981	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
9	Nguyễn Thị Vũ Thảo	1982	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
10	Đỗ Thị Thu Hà	1984	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
11	Bùi Trung Úy	1979	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
12	Mai Văn Tùng	1978	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
13	Đỗ Phú Duy	1979	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
14	Võ Thanh Thịnh	1986	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
15	Lê Thị Hương Giang	1978	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
16	Nguyễn Tuấn Trung	1987	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
17	Bùi Thanh Hải	1979	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
18	Nguyễn Trường Lâm	1984	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
19	Hồ Thị Ngọc	1978	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
20	Nguyễn Khắc Thắng	1982	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
21	Chương Văn Lượng	1980	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
22	Lê Quang Nam	1985	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
23	Lê Hồng Dũng	1977	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
24	Trương Văn Hiệu	1984	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
25	Lê Tự Quốc	1977	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
9) Logistics						
1	Nguyễn Thị Như Liêm	1954	Nữ	PGS	TS	Logistics
2	Phan Thị Thu Hà	1987	Nữ		THS	Logistics
3	Đỗ Khắc Trung	1991	Nam		TS	Logistics

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
4	Phan Thoại Chiêu	1989	Nữ		THS	Logistics
5	Trần Phụng Trân	1979	Nữ		THS	Logistics
6	Trần Thị Cẩm Thúy	1991	Nữ		THS	Logistics
7	Bùi Thị Thắm	1986	Nữ		THS	Logistics
8	Huỳnh Thị Ý Nhi	1981	Nữ		THS	Logistics
9	Trần Văn Nghiệp	1960	Nam		THS	Logistics
10	Lê Thị Kim Ngân	1989	Nữ		THS	Logistics
IV - Khối ngành VII						
<i>1) Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành</i>						
1	Trần Khắc Xin	1963	Nam		TS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
2	Đỗ Thị Thủy	1983	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
3	Nguyễn Thị Kim Liên	1990	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
4	Lưu Cẩm Trúc	1989	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
5	Ngô Lê Uyên	1990	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
6	Nguyễn Thị Kim Thoa	1986	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
7	Phạm Thị Chi	1990	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
8	Nguyễn Đăng Hiền	1987	Nam		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
9	Lê Thái Phương	1989	Nữ		THS	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
10	Trần Hữu Hoàng Minh	1991	Nam		ĐH	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
<i>2) Quản trị Khách sạn</i>						
1	Đinh Thị Thi	1962	Nữ		TS	Quản trị Khách sạn
2	Nguyễn Thúy Nga	1988	Nữ		THS	Quản trị Khách sạn
3	Nguyễn Xuân Vinh	1979	Nam		THS	Quản trị Khách sạn
4	Phạm Thị Thu Ba	1987	Nữ		THS	Quản trị Khách sạn
5	Nguyễn Thị Bảo Uyên	1990	Nữ		THS	Quản trị Khách sạn
6	Lê Bình Phương	1990	Nam		THS	Quản trị Khách sạn
7	Trương Việt Trinh	1992	Nữ		THS	Quản trị Khách sạn
8	Nguyễn Thiện Tâm	1990	Nam		THS	Quản trị Khách sạn
9	Huỳnh Tấn Phúc	1993	Nam		THS	Quản trị Khách sạn
10	Phan Kim Ngân	1990	Nữ		ĐH	Quản trị Khách sạn
<i>3) Ngôn ngữ Anh</i>						
1	Lương Văn Nhân	1984	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
2	Nguyễn Thị Tuyết	1957	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
3	Trần Thị Thu Hương	1978	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
4	Nhan Thị Thủy	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
5	Phạm Thị Phương Thi	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
6	Đặng Thị Thanh Trân	1984	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
7	Hà Thúc Nhật Nguyên	1984	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
8	Trần Thị Thơm	1980	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
9	Huỳnh Thị Mỹ Dung	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
10	Khắc Thị Ngọc Thương	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
11	Bạch Quốc Hưng	1983	Nam		THS	Ngôn ngữ Anh
12	Nguyễn Trần Lan Chi	1989	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
13	Ngô Đình Lộc	1988	Nam		THS	Ngôn ngữ Anh
14	Nguyễn Thị Phương Anh	1973	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
15	Nguyễn Thị Vy Hương	1977	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
16	Lê Tấn Ngọc	1967	Nam		ĐH	Ngôn ngữ Anh
17	Nguyễn Thị Mai Khôi	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
18	Đoàn Thị Uyên	1990	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
19	Võ Thị Hoàng Ngân	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
20	Hoàng Tịnh Bảo	1971	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
21	Hồ Phạm Xuân Phương	1997	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Anh
22	Trần Thị Hoài Nam	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
23	Trần Lê Phương Anh	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh

4) Ngôn ngữ Trung Quốc

1	Triệu Thị Kiều Dung	1978	Nữ		TS	Ngôn ngữ Trung Quốc
2	Đoàn Trung Hữu	1973	Nam		TS	Ngôn ngữ Trung Quốc
3	Huỳnh Thị Minh Hiền	1982	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
4	Phạm Chu Uyên	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
5	Phan Kiều Hạnh	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
6	Nguyễn Thị Thu Thanh	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
7	Lê Thị Ánh Trinh	1989	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
8	Vũ Nguyễn Hương Trà	1993	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
9	Nguyễn Ngọc Hương Sen	1990	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
10	Trần Nguyễn Mỹ Linh	1987	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
11	Trần Thị Mỹ Đức	1983	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
12	Chê Việt Đông	1986	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
13	Phạm Thị Phương Thảo	1989	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
14	Lê Phạm Khánh Vân	1993	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
15	Vũ Thị Uyên	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
16	Trần Quang Vinh	1987	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
17	Đặng Thị Nhung	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
18	Nguyễn Thị Hoàng Thương	1989	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
19	Đinh Hà Linh Phương	1995	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
20	Lê Đình Sơn	1990	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
21	Đặng Thị Liên	1990	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
22	Võ Thị Ni	1987	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
23	Nguyễn Thị Hương	1992	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
24	Đặng Thị Minh Hiếu	1989	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
25	Nguyễn Trường Chinh	1988	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
26	Nguyễn Thị Huyền Trang	1992	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
27	Vi Thị Bích Ngọc	1984	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
28	Đỗ Thị Phượng	1987	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
29	Đặng Đức Long	1986	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
30	Bùi Thị Lan Hương	1994	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
31	Tăng Phần Kiên	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
32	Phạm Thị Thảo	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
33	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
34	Hoàng Thị Duyên	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc

V - Khối giảng dạy các môn học cơ bản

1	Nguyễn Tư Đôn	1934	Nam		TS	Cơ bản
2	Đào Thị Quang Hiến	1950	Nữ		THS	Cơ bản
3	Lê Xuân Hòa	1961	Nam		THS	Cơ bản
4	Hồ Thị Luận	1975	Nữ		THS	Cơ bản
5	Vũ Hứa Hạnh Nguyên	1989	Nữ		THS	Cơ bản
6	Triệu Thị Vy Vy	1983	Nữ		THS	Cơ bản
7	Hồ Thị Dạ Thảo	1984	Nữ		THS	Cơ bản
8	Lương Thị Thanh Thanh	1979	Nữ		THS	Cơ bản
9	Trần Thị Ngọc Thương	1985	Nữ		THS	Cơ bản

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành giảng dạy
10	Nguyễn Thị Phương Ly	1982	Nữ		THS	Cơ bản
11	Phạm Nguynh	1984	Nam		THS	Cơ bản
12	Luu Hoàng Tuấn	1949	Nam		THS	Cơ bản
13	Nguyễn Sanh Châu	1944	Nam		THS	Cơ bản
14	Ngô Thị Thu Trang	1985	Nữ		THS	Cơ bản
15	Phan Trọng Toàn	1987	Nam		THS	Cơ bản
16	Nguyễn Thị Liệu	1991	Nữ		THS	Cơ bản
17	Trịnh Tuấn Anh	1994	Nam		THS	Cơ bản
18	Cao Xuân Tịnh	1977	Nam		THS	Cơ bản
19	Phạm Văn Tiến	1979	Nam		THS	Cơ bản
20	Bùi Văn Long	1985	Nam		ĐH	Cơ bản
21	Nguyễn Đức Thanh	1985	Nam		THS	Cơ bản
22	Lê Anh Hải	1984	Nam		THS	Cơ bản
23	Trần Thị Thùy Liên	1989	Nữ		ĐH	Cơ bản

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi (Tính đến ngày 21/6/2021)

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành II	11.6
2	Khối ngành III	15.1
3	Khối ngành V	12.1
4	Khối ngành VII	19.8

Biểu mẫu 21**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2020-2021	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	Không có	
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	Không có	
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành năng khiếu	Triệu đồng/năm	20,975	104,875
	Khối ngành kỹ thuật	Triệu đồng/năm	19,619	98,095
	Khối ngành kinh tế, ngoại ngữ	Triệu đồng/năm	19,125	76,5
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	Không có	
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	Không có	
II	Học phí chính quy chương trình khác		Không có	
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm		Không có	
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		

IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	120,142	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	Không có	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	113,122	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	Không có	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	7,020	